ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1493/QĐ-UBND	*Bình Dương, ngày 04 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của Viettel Bình Dương trên địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 36/TTr-STTTT ngày 16/05/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viettel Bình Dương trên địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 với những nội dung chính như sau:

I. Thông tin chung:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viettel Bình Dương trên địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

2. Đơn vị chủ trì lập quy hoạch: Viettel Bình Dương.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Không.

II. Mục tiêu - yêu cầu

1. Mục tiêu

- Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viettel Bình Dương nhằm bảo đảm cho việc phát triển và khai thác cơ sở hạ tầng viễn thông bền vững, hiệu quả, an toàn, đồng thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ cảnh quan môi trường, nhất là tại các khu vực đô thị.

- Đảm bảo phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông hiện đại, mở rộng vùng phủ sóng thông tin di động đến 100% dân cư; đáp ứng cung cấp đầy đủ dịch vụ với chất lượng ngày càng cao.

- Phấn đấu ngầm hoá 100% mạng cáp truyền dẫn trong các khu đô thị thuộc các huyện, thị xã, thành phố đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công chịu trách nhiệm đầu tư.

2. Yêu cầu

- Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động bảo đảm phù hợp, đồng bộ với quy hoạch đô thị, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật của các ngành đã được phê duyệt, đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

- Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo hướng khuyến khích sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, giữa các ngành, đồng thời đáp ứng yêu cầu kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

- Phù hợp quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh đã được phê duyệt.

III. Nội dung quy hoạch đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

1. Công trình viễn thông quan trọng liên quan đến quốc gia

Theo Quyết định số 45/2012/QĐ-TTg ngày 23/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, thì các công trình viễn thông của Viettel Bình Dương quy hoạch xây dựng không thuộc danh mục công trình quan trong liên quan đến an ninh quốc gia.

2. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng

2.1. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ (Đ1)

- Duy trì hiện trạng các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ, đồng thời nâng cấp các thiết bị viễn thông tại các điểm cung cấp viễn thông có người phục vụ này.

- Giai đoạn 2018-2020: Duy trì 30 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ do Viettel đầu tư, 170 điểm do các đối tác của Viettel đầu tư.

- Định hướng đến năm 2025: Phát triển mới điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ tại các khu vực có điều kiện kinh tế xã hội phát triển, khu vực trung tâm các huyện, thị xã, thành phố, khu vực có lượng khách hàng lớn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng.

(Chi tiết các Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông Đ1 theo Phụ lục 1 đính kèm).

2.2. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ (Đ2)

Viettel Bình Dương sẽ phối hợp cùng các đơn vị liên quan thực hiện phát triển loại hình trạm thông tin đa năng theo quy hoạch tại các khu vực trung tâm, khu vực bến xe, nhà ga, các khu vực tập trung đông người để phục vụ nhu cầu truy xuất, tìm kiếm thông tin của người dân.

Trạm thông tin đa năng là điểm cung cấp dịch vụ wifi miễn phí, đồng thời cung cấp các thông tin kinh tế, chính trị, xã hội ngắn gọn, tập trung truyền thông cho các hoạt động và chính sách của chính quyền hoặc cập nhật thông tin thị trường, phục vụ nhu cầu tìm kiếm thông tin, các tiện ích quan trọng cho người dân và du khách khi đến tham quan Bình Dương, cung cấp đến người dân dịch vụ điện thoại khẩn cấp.

Giai đoạn 2018-2020: Chưa triển khai các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ.

Định hướng đến năm 2025: Xây dựng mới 39 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ (Đ2) tại các khu vực trung tâm hành chính cấp huyện / thị xã / thành phố / tỉnh, các khu dân cư, khu thương mại, trường học, bệnh viện, công viên, bến xe để đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

Quy mô, diện tích: Mỗi điểm có diện tích khoảng 10 m2.

Nhu cầu sử dụng đất: đất công cộng hoặc thuê đất. Viettel Bình Dương sẽ đàm phán cùng các đơn vị liên quan để thỏa thuận về vị trí xây dựng đảm bảo thuận tiện, an toàn và mỹ quan đô thị.

(Chi tiết Quy hoạch điểm cung cấp dịch vụ viễn thông Đ2 theo Phụ lục 2 đính kèm).

3.Cột ăng ten

3.1. Cải tạo, nâng cấp

Tổng số cột ăng ten phải thay đổi loại cột hiện trạng cho phù hợp với quy hoạch, từ loại ăng ten cồng kềnh (A2b) sang loại cồng kềnh (A2a) hoặc loại ăng ten đơn thân, đảm bảo mỹ quan (A2c): 371 cột, trong đó có 288 cột do Viettel Bình Dương làm chủ sở hữu.

Cải tạo cột ăng ten loại cồng kềnh (A2a) tại khu vực đô thị, khu vực yêu cầu cao về mỹ quan trên địa bàn tỉnh. Cải tạo theo phương thức hạ độ cao cột ăng ten loại A2a thành cột ăng ten không cồng kềnh loại A1 hoặc chuyển đổi sang cột ăng ten ngụy trang, thân thiện môi trường.

Sử dụng chung cơ sở hạ tầng: chuyển các cột ăng ten có khoảng cách nhỏ hơn 100m trong khu vực đô thị và nhỏ hơn 200 m ngoài đô thị về vị trí mới phù hợp hơn. Vị trí phù hợp là vị trí có đủ điều kiện về cơ sở hạ tầng cho doanh nghiệp dùng chung và đảm bảo yêu cầu về mỹ quan; đảm bảo vùng phủ sóng cho thuê bao.

(Chi tiết hiện trạng cột ăng ten theo Phụ lục 3 đính kèm).

3.2. Phát triển mới đến năm 2020

Tổng số cột ăng ten phát triển thêm 175 cột, trong đó có 34 cột loại cồng kềnh (A2b), 141 cột loại đơn thân Monopol (A2c).

Viettel Bình Dương làm chủ đầu tư 137 cột, thuê lại hạ tầng cột của các đơn vị khác 38 cột.

Tỷ lệ dùng chung (DC1, DC3): 50%.

(Chi tiết Quy hoạch cột ăng ten phát triển mới theo Phụ lục 4 đính kèm).

3.3. Định hướng đến năm 2025

Phát triển mới loại ăng ten không cồng kềnh (A1) trong các khu đô thị, tại các thị xã, thành phố; chuyển đổi 100% các cột ăng ten cồng kềnh A2a do Viettel Bình Dương là chủ sở hữu sang ăng ten không cồng kềnh (A1).

4. Cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm

Đến năm 2020: phát triển hạ tầng mạng cáp ngầm tại 18 tuyến đường thuộc các khu vực Dĩ An, Tân Uyên và Phú Giáo đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 2667/QĐ-UBND ngày 04/10/2017 về việc ban hành Kế hoạch triển khai hạ tầng ngầm cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017 - 2020.

Tổng chiều dài công trình ngầm do Viettel đầu tư: 31.4 Km đường tương đương 62.8 Km cống bể.

Hạ ngầm các tuyến cáp trên các tuyến đường do các nhà đầu tư khác đầu tư tại các huyện, thị, thành phố theo Quyết định số 2667/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương. Tổng chiều dài 102.43 Km.

Tổng số cột treo cáp trồng mới: Không.

Định hướng đến năm 2025: Phát triển hạ tầng cáp quang trên địa bàn toàn tỉnh đến 100% hộ dân. 100 % các tuyến cáp mạng ngoại vi trong khu vực đô thị được thi công ngầm.

(Chi tiết Quy hoạch cột treo cáp và hạ tầng ngầm theo Phụ lục 5 đính kèm).

IV. DANH MỤC DỰ ÁN

1. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ

- Nguồn đầu tư: Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội.

- Thời gian thực hiện: 2020 - 2025.

- Hạng mục đầu tư: Lắp đặt trạm thông tin đa năng.

- Mức đầu tư: 100 triệu đồng/1 điểm.

- Đầu tư: 39 điểm.

- Tổng nguồn vốn: 3,9 tỷ đồng.

2. Cột anten

2.1. Cột anten xây dựng mới

- Nguồn đầu tư: Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội và các tổ chức, cá nhân khác.

- Thời gian thực hiện: 2018 - 2020.

- Hạng mục đầu tư: đầu tư nhà, trạm, cột, ...

- Mức đầu tư: 700 triệu đồng/1 điểm.

- Đầu tư: 175 điểm.

- Tổng nguồn vốn: 122,5 tỷ đồng.

2.2. Cải tạo cột anten

- Nguồn đầu tư: Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội và các tổ chức, cá nhân khác.

- Thời gian thực hiện: 2018 – 2020.

- Hạng mục đầu tư: cải tạo, chuyển đổi, gia cố công trình.

- Mức đầu tư: 500 triệu đồng/1 điểm.

- Cải tạo: 288 điểm (trong 371 điểm cần chuyển đổi thì Viettel thực hiện 288 điểm, 83 điểm do các nhà đầu tư khác thực hiện).

- Tổng nguồn vốn: 144 tỷ đồng.

3. Hệ thống cột treo cáp và công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm

3.1. Cải tạo chỉnh trang mạng cáp treo

- Nguồn đầu tư: Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội.

- Thời gian thực hiện: 2018 – 2020.

- Hạng mục đầu tư: tối ưu, thu hồi cáp dư thừa, thay thế trụ nghiêng, bó gọn cáp.

- Mức đầu tư: 50 triệu đồng/1km.

- Đầu tư: 300 km.

- Tổng nguồn vốn: 15 tỷ đồng.

3.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm

- Nguồn đầu tư: Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội.

- Thời gian thực hiện: 2018 - 2020.

- Hạng mục đầu tư: xây dựng hạ tầng cống, bể cáp.

- Mức đầu tư: 836 triệu đồng/1km.

- Đầu tư: 62,8 km cống bể (tương đương 31,4 Km đường).

- Tổng nguồn vốn: 52,5 tỷ đồng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý, giám sát việc triển khai thực hiện Quy hoạch được phê duyệt của doanh nghiệp.

- Hướng dẫn, chỉ đạo doanh nghiệp điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển hạ tầng viễn thông thụ động thực tế và trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Quy hoạch cho phù hợp.

- Giám sát và điều phối quá trình đầu tư sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp.

2. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông giám sát việc thực hiện quy hoạch của Viettel Bình Dương trên địa bàn.

- Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để Viettel Bình Dương phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

3. Viettel Bình Dương

- Có trách nhiệm tổ chức công bố công khai, thông báo quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng và cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp đồng thời gửi về Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy hoạch. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế, sự phát triển của công nghệ và hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Quy hoạch cho phù hợp.

- Chấp hành nghiêm các quy định về sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật; xác định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật được sử dụng chung do doanh nghiệp đầu tư; niêm yết giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông. Trong trường hợp không thống nhất về giá thuê, doanh nghiệp đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp cùng các Sở, ngành giải quyết.

- Tuân thủ nghiêm túc các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

- Phối hợp với các Sở, ngành, các đơn vị và các doanh nghiệp liên quan đến đầu tư hạ tầng, đàm phán cùng đầu tư xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng; chủ động phản ánh các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện; kiến nghị, đề xuất giải quyết, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện; lồng ghép, kết hợp thực hiện các dự án khác có cùng mục tiêu, nhiệm vụ và địa điểm để tránh trùng lặp, gây lãng phí về nhân lực và tài chính; đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế kỹ thuật khác.

- Báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch cho Sở Thông tin và Truyền thông hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Công thương, Giao thông - Vận tải, Thông tin và Truyền thông, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một, Giám đốc Công ty Điện lực Bình Dương, Giám đốc Viettel Bình Dương và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đã ký: Đặng Minh Hưng

Phụ lục 1

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG CÓ NGƯỜI PHỤC VỤ CỦA VIETEL BÌNH DƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh)

STT	Địa điểm	Loại điểm cung cấp dịch vụ	Quy mô điểm cung cấp dịch vụ		Loại dịch vụ cung cấp	Thời điểm bắt đầu xây dựng	Thời điểm đưa vào khai thác sử dụng
			Công trình đi thuê	Công trình tự xây dựng			
1	**Thành phố Thủ Dầu Một**						
1.1	Số 453 Đại Lộ Bình Dương, P.Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 60m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
1.2	Số 513 Phú Lợi, Khu 8, Phường Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	Đ1	Diện tích cửa hàng: 100m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
1.3	Số E109, Tổ 50, K5, P. Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 90m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
1.4	216 - 218 Đường Yersin, P.Hiệp Thành, Thủ Dầu Một, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 80m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016

STT	Địa điểm	Loại điểm	Quy mô điểm cung cấp dịch vụ		Loại dịch vụ cung	Thời điểm bắt đầu xây	Thời điểm đưa vào khai thác sử
2	**Thị xã Thuận An**						
2.1	Số 9/8 Bình Phước A, Thuận An, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 70m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
2.2	Số 34/1 Đường 22/12, KP1A, phường An Phú, TX Thuận An, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 50m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
2.3	Phan Đình Phùng, Lái Thiêu, Thuận An Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 60m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
2.4	Số 67B/2, khu phố 1B, Phường An Phú, TX Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 75m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
2.5	Số D5 ô 23-24-25 Khu dân cư Thuận Giao, phường Thuận Giao, TX Thuận An, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 70m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
2.6	Số 25/1 KP Bình Phước B, P. Bình Chuẩn, TX. Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 45m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
2.7	Số 2C/11E, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 40m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016

STT	Địa điểm	Loại điểm	Quy mô điểm cung cấp dịch vụ		Loại dịch vụ cung	Thời điểm bắt đầu xây	Thời điểm đưa vào khai thác sử
2.8	Số 1/97 Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 50m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
2.9	31/3 Khu phố 2 P.An Phú TX Thuận An Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 60m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
2.10	135 Bis Nguyễn Văn Tiết KP Đông Tư Lái Thiêu Thuận An Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 80m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
3	**Thị xã Dĩ An**						
3.1	Số 237 Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống Nhất, P. Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 40m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
3.2	Số 257 Nguyễn An Ninh, Dĩ An, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 65m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
3.3	15/6 đường Lý Thường Kiệt, Khu phố Thắng Lợi 2, Dĩ An, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 90m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
3.4	104 Truông Tre KP Bình Minh 2 Phường Dĩ An TX Dĩ An Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 20m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016

STT	Địa điểm	Loại điểm	Quy mô điểm cung cấp dịch vụ		Loại dịch vụ cung	Thời điểm bắt đầu xây	Thời điểm đưa vào khai thác sử
4	**Thị xã Bến Cát**						
4.1	DT 741 Hòa Lợi,Bến Cát, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 60m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
4.2	ĐT741 KP Phú Nghị, Bến Cát, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 80m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
4.3	QL13, Khu phố 4, TT Mỹ Phước, huyện Bến Cát, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 40m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
4.4	QL13, Khu phố 4, TT Mỹ Phước, huyện Bến Cát, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 50m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
4.5	Đường N5, KCN Mỹ Phước 1, TT Mỹ Phước, Bến Cát, Bình Dương.	Đ1	Diện tích cửa hàng: 30m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
5	**Thị xã Tân Uyên**						
5.1	Tổ 3 KP Mỹ Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 50m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
5.2	Số 41 ĐT747 Hội Nghĩa, Tân Uyên, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 50m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
5.3	Thửa số 3, Lô F, KDC TM Uyên Hưng, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 40m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016

STT	Địa điểm	Loại điểm	Quy mô điểm cung cấp dịch vụ		Loại dịch vụ cung	Thời điểm bắt đầu xây	Thời điểm đưa vào khai thác sử
6	**Huyện Phú Giáo**						
6.1	197 - 198, Đường Độc Lập, KP2, TT Phước Vĩnh, Phú Giáo, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 50m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
7	**Huyện Dầu Tiếng**						
7.1	6/12 KP 4B, TT Dầu Tiếng, Dầu Tiếng, Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 48m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
8	**Huyện Bàu Bàng**						
8.1	A6-45 Đường NC-PTM KCN Bàu Bàng, Huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương (cách cổng chào KCN 500m về bên phải)	Đ1	Diện tích cửa hàng: 55m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016
9	**Huyện Bắc Tân Uyên**						
9.1	Đường DH411 - ấp 3 - Tân Thành - Bắc Tân Uyên - Bình Dương	Đ1	Diện tích cửa hàng: 78m^2		Thoại Internet	Trước năm 2016	Trước năm 2016

Phụ lục 2

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG KHÔNG CÓ NGƯỜI PHỤC VỤ CỦA VIETEL BÌNH DƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh)

STT	Địa điểm	Loại điểm cung cấp dịch vụ	Quy mô điểm cung cấp dịch vụ		Loại dịch vụ cung cấp	Thời điểm bắt đầu xây dựng	Thời điểm đưa vào khai thác sử dụng
			Công trình đi thuê	Công trình tự xây dựng			
1	**Thành phố Thủ Dầu Một**						
1.1	Trung Tâm Hành Chính tập trung tỉnh Bình Dương	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
1.2	UBND TP Thủ Dầu Một	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
1.3	Bệnh Viện đa khoa tỉnh	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
1.4	Bệnh viện 1500 giường	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
1.5	Bến xe Bình Dương	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
1.6	Siêu thị BigC	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
1.7	Siêu thị CitiMart	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
1.8	Siêu thị Co.opMart	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
1.9	Bệnh viện Phụ Sản Nhi	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025

STT	Địa điểm	Loại điểm	Quy mô điểm cung cấp dịch vụ		Loại dịch vụ cung cấp	Thời điểm bắt đầu xây	Thời điểm đưa vào
1.10	Becamex Tower	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
1.11	Đại Học Thủ Dầu Một	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
1.12	Đại Học Bình Dương	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
1.13	Khu nhà ở xã hội Định Hòa	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
1.14	Khu nhà ở xã hội Hòa Lợi	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
1.15	Khu dân cư Hiệp Thành 3	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
2	**Thị xã Thuận An**						
2.1	UBND Thị xã Thuận An	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
2.2	Siêu thị AEON MALL	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
2.3	Siêu thị Lotte Mart	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
2.4	Bệnh viện Thuận An	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
2.5	Bệnh viện Quốc Tế Miền Đông	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
2.6	Siêu thị Thiên Hòa	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
2.7	Khu dân cư Việt Sin	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025

STT	Địa điểm	Loại điểm	Quy mô điểm cung cấp dịch vụ		Loại dịch vụ cung cấp	Thời điểm bắt đầu xây	Thời điểm đưa vào
3	**Thị xã Dĩ An**						
3.1	UBND Thị Xã Dĩ An	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
3.2	Bệnh Viện Quân Đoàn 4	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
3.3	Bệnh Viện Dĩ An	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
3.4	Siêu thị BigC	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
4	**Thị xã Bến Cát**						
4.1	UBND Thị Xã Bến Cát	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
4.2	Bệnh Viện Mỹ Phước	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
4.3	Siêu thị Citi Mart	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
5	**Thị xã Tân Uyên**						
5.1	UBND Thị Xã Tân Uyên	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
5.2	Bệnh Viện Tân Uyên	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
6	**Huyện Phú Giáo**						
6.1	UBND Huyện Phú Giáo	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025

STT	Địa điểm	Loại điểm	Quy mô điểm cung cấp dịch vụ		Loại dịch vụ cung cấp	Thời điểm bắt đầu xây	Thời điểm đưa vào
6.2	Bệnh Viện Phú Giáo	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
7	**Huyện Dầu Tiếng**						
7.1	UBND Huyện Dầu Tiếng	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
7.2	Bệnh Viện Dầu Tiếng	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
8	**Huyện Bàu Bàng**						
8.1	UBND Huyện Bàu Bàng	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
8.2	Bệnh Viện Bàu Bàng	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
9	**Huyện Bắc Tân Uyên**						
9.1	UBND Huyện Bắc Tân Uyên	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025
9.2	Bệnh Viện Bắc Tân Uyên	Đ2	10 m^2		Thoại Internet	2020-2025	2020-2025

Phụ lục 3

HIỆN TRẠNG CỘT ĂNG TEN CỦA VIETEL BÌNH DƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh)

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng	Thời điểm chuyển từ cột A2a sang cột A1
	Địa chỉ	Kinh độ	Vĩ độ	Loại cột	Quy mô			Hiện trạng	Khả năng dùng chung		
					Chiều cao cột	Chiều cao công trình	Diện tích đất dùng				
1	**Huyện Bàu Bàng**										
1.1	Long Nguyên Bàu Bàng	106.5635	11.24147	*A2b*	*48*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	Không
1.2	ấp 5 hưng Hòa Bàu Bàng	106.6922	11.22831	*A2b*	*48*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	21/01/2011	Không
1.3	ấp lai khê Lai Hưng Bàu Bàng	106.6274	11.20556	*A2b*	*45*	*0*	*30*	*DC2*	*C*	20/07/2017	Không
1.4	Tổ 2 -Ấp Ông Chày –Xã Cây Trường –Bàu Bàng	106.5802	11.34259	*A2b*	*48*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/05/2017	Không
1.5	Ấp 1 – Long Nguyên –Bàu Bàng	106.5724	11.18777	*A2b*	*48*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	Không
1.6	1 Tổ 2 Ấp 1 Xã Trừ Văn Thồ,Bàu Bàng	106.6364	11.35782	*A2b*	*42*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2007	Không
1.7	149 Ô3, ấp 3,Tân Hưng, Bàu Bàng	106.6632	11.25185	*A2b*	*48*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	22/01/2015	Không
1.8	Tổ 3 Ấp Lai Khê,xã Lai Hưng , Bàu Bàng	106.6041	11.18411	*A2b*	*42*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	03/07/2008	Không
1.9	Bàu Bàng - Lai Uyên - Bàu Bàng	106.5884	11.24581	*A2b*	*48*	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/06/2008	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
1.10	Ấp 5, Đồng Sổ,Lai Uyên, Bàu Bàng	106.6374	11.23337	*A2b*	*42*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/05/2017	Không
1.11	Ấp 5 -xã Lai Hưng - Bàu Bàng	106.6166	11.22668	*A2b*	*42*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	27/12/2008	Không
1.12	Ấp 1, Lai Uyên - Bàu Bàng	106.6556	11.31093	*A2b*	*42*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	18/09/2008	Không
1.13	Ấp 8 , Long Nguyên - Bàu Bàng	106.5522	11.19917	*A2b*	*48*	*0*	*150*	*DC2*	*C*	02/04/2009	Không
1.14	Ấp 6 - Xã Long Nguyên - Bàu Bàng	106.5378	11.22286	*A2b*	*48*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/03/2009	Không
1.15	11 TỔ 1, Ấp Bưng Thuốc, Long Nguyên, Bàu Bàng	106.5629	11.2182	*A2b*	*48*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	11/05/2009	Không
1.16	13, tổ 3, ấp 2, Cây Trường, Bàu Bàng	106.6116	11.34402	*A2b*	*42*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	17/03/2009	Không
1.17	22, ấp 4, Cây Trường, Bàu Bàng	106.5897	11.38049	*A2b*	*45*	*0*	*150*	*DC2*	*C*	03/04/2009	Không
1.18	118, tổ 6, ấp 1A, Long Nguyên, Bàu Bàng	106.5775	11.17109	*A2b*	*45*	*0*	*150*	*DC2*	*C*	07/04/2009	Không
1.19	Long nguyên,Bàu Bàng	106.543	11.181	*A2b*	*48*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	28/11/2011	Không
1.20	Lai Khê, Lái hưng,Bàu Bàng	106.6103	11.20027	*A2b*	*48*	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/11/2011	Không
1.21	KCN Bàu Bàng, xã Lai Uyên, h.Bàu Bàng,	106.6288	11.24514	*A2b*	*42*	*0*	*30*	*DC2*	*C*	03/07/2017	Không
1.22	ấp 2 B xã Lai Uyên Bàu Bàng,	106.6369	11.32519	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2004	Không
1.23	Xã Cây Trường, Bàu Bàng, BDG	106.5573	11.33822	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	03/06/2009	Không
1.24	Đồng Chèo,xã Lai Uyên, Bàu Bàng, tỉnh	106.6718	11.3056	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/05/2013	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
1.25	xã Long Nguyên, Bàu Bàng, tỉnh	106.5775	11.26153	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	28/05/2013	Không
1.26	Tân Hưng , Bàu Bàng,	106.6754	11.23955	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	31/05/2015	Không
1.27	ấp 5, xã Tân Hưng, h.Bàu Bàng, BDG	106.6502	11.26258	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/11/2010	Không
1.28	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.59427	11.31810	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/05/2013	Không
1.29	Cây Trường, Bàu Bàng	106.57801	11.29596	A2b	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/12/2010	Không
1.30	Lai Hưng, Bàu Bàng	106.62316	11.18623	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	02/02/2016	Không
1.31	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.63302	11.28413	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	17/03/2015	Không
1.32	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.64036	11.29868	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	17/03/2015	Không
1.33	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.63112	11.30835	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	14/12/2015	Không
1.34	Long Nguyên, Bàu Bàng	106.56981	11.20522	A2b	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	21/07/2015	Không
1.35	Hưng Hòa, Bàu Bàng	106.70320	11.21580	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/05/2015	Không
1.36	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.63370	11.27246	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	22/09/2017	Không
1.37	Cây Trường, Bàu Bàng	106.56292	11.31478	A2b	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	24/04/2014	Không
1.38	Long Nguyên, Bàu Bàng	106.51812	11.23331	A2b	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	09/11/2010	Không
1.39	Trừ Văn Thố, Bàu Bàng	106.63791	11.34558	A2b	45	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/06/2014	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
1.40	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.63583	11.25448	A2b	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	17/12/2015	Không
1.41	Cây Trường, Bàu Bàng	106.59320	11.34243	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	31/05/2017	Không
1.42	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.63068	11.29370	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/06/2008	Không
1.43	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.64976	11.31354	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	26/12/2014	Không
1.44	Lai Hưng, Bàu Bàng	106.63069	11.22050	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	27/03/2015	Không
1.45	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.62099	11.26354	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/01/2015	Không
1.46	Lai Hưng, Bàu Bàng	106.63992	11.31626	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	17/12/2015	Không
1.47	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.63737	11.33516	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	22/04/2015	Không
1.48	Long Nguyên, Bàu Bàng	106.55848	11.25407	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/05/2015	Không
1.49	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.63288	11.26625	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/08/2017	Không
1.50	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.63260	11.24001	A2b	36	*0*	*30*	*KDC*	*C*	10/05/2017	Không
1.51	Lai Hưng, Bàu Bàng	106.60052	11.17517	A2b	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	27/06/2017	Không
1.52	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.63086	11.31797	A2a	30	*8*	*16*	*DC2*	*C*	31/05/2016	Không
1.53	KCN Bàu Bàng, Bàu Bàng	106.60470	11.26177	A2c	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	19/04/2015	Không
1.54	KCN Bàu Bàng, Bàu Bàng	106.62190	11.25364	A2c	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	01/12/2016	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
1.55	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.60207	11.24708	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	15/04/2011	Không
2	***Thị xã Bến Cát***										
2.1	TT Mỹ Phước, Bến Cát	106.6086	11.1295	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/05/2017	2019
2.2	Xã Tân Định –Bến Cát	106.6306	11.07839	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	21/07/2008	2019
2.3	Tổ 13 khu 2 -Ấp Phú Hòa –Xã Hòa Lợi –Bến Cát	106.662	11.0781	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	20/01/2009	2019
2.4	Ấp 3 – Xã Thới Hòa –Bến Cát	106.6252	11.10427	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	2019
2.5	Ấp Kiến Điền –Xã An Điền –Bến Cát	106.5811	11.13384	*A2b*	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/11/2006	Không
2.6	Ấp 1 B Xã Chánh Phú Hòa – Bến Cát	106.6736	11.1606	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	20/07/2017	2019
2.7	Số 516 tổ 14, Ấp Phú Thứ, Xã Phú An, Bến Cát	106.5944	11.05828	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/06/2008	Không
2.8	ấp 5, xã Chánh Phú Hòa, Bến Cát	106.6331	11.14656	*A2b*	48	*0*	*30*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
2.9	642, phú hòa, hòa lợi, Bến Cát	106.6574	11.06559	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.10	201/10 Ấp 3 Tân Định Bến Cát	106.6279	11.057	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/05/2017	2019
2.11	KP 3, TT Mỹ Phước, Bến Cát	106.6048	11.14225	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.12	Ấp 3 Xã Thới Hoà Bến Cát	106.6258	11.08989	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.13	198 Tổ 8,Ấp 2, Thới Hoà, Bến Cát	106.645	11.08541	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
2.14	Ấp An Hòa, Hoà Lợi, Bến Cát	106.6646	11.10534	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.15	68 Tổ 4, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Bến Cát	106.5864	11.08531	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.16	211, Ấp An Mỹ, An Điền, Bến Cát	106.5792	11.11442	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	29/07/2008	Không
2.17	ấp Kiên An, An Điền, Bến Cát	106.5538	11.16397	*A2b*	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	27/03/2009	Không
2.18	Áp 6 , Thới Hoà, Bến Cát	106.614	11.11847	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.19	Ấp 4, xã Thới Hòa, Bến Cát	106.6117	11.10113	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.20	Â 4 - Xã An Điền - Bến Cát	106.5514	11.13625	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	03/04/2009	Không
2.21	Trạm Viễn Thông Mỹ Phước, TT Mỹ Phước, Bến Cát	106.614	11.13767	*A2b*	42	*0*	*30*	*DC2*	*C*	05/01/2009	2019
2.22	Ấp 4 - Chánh Phú Hòa - Bến Cát	106.6509	11.1452	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.23	Khu TM-DV-TĐC- Mỹ Phước 1 - Bến Cát	106.6041	11.12293	*A2a*	12	*15*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
2.24	KP 1 - Thị Trấn Mỹ Phước - Bến Cát	106.5864	11.15437	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/01/2009	2019
2.25	Đường DJ5, khu đô thị mỹ phuớc 3, ấp 3B	106.6371	11.10009	*A2a*	15	*11*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
2.26	30, Khu phố 1, Ấp An Hòa	106.6676	11.0876	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC1*	*C*	01/01/2012	2019
2.27	173/19 ấp Phú Thuận, Xã Phú An, Huyện Bến Cát	106.5767	11.06636	*A2b*	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	06/12/2010	Không
2.28	232/8 khu 2, Ấp 1, Tân Định, Bến Cát,	106.6369	11.05101	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
2.29	Khu nhà liên việt KCN mỹ phước 1	106.5966	11.11447	*A2b*	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	09/02/2010	2019
2.30	Khu dia dao Tay Nam, Phú An, Bến Cát, BD	106.543	11.0754	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	31/12/2010	Không
2.31	Siêu thị Mỹ Phước 1, TT MỸ PHƯỚC, Bến Cát, BDG	106.6063	11.12519	*A2a*	15	*10*	*0*	*KDC*	*K*	13/01/2017	Không
2.32	KS Thùy Dương Anh, đường TC2,KCN Mỹ Phước 2, Bến Cát,	106.6097	11.13576	*A2b*	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	03/07/2017	2019
2.33	KCN Mỹ Phước Bến cát,	106.6201	11.13225	*A2b*	42	*0*	*30*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.34	Ấp 2, Chánh Phú Hòa, Bến Cát, BD	106.6725	11.14514	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.35	TT Bảo Trợ Chánh Phú Hòa	106.6631	11.18073	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.36	Phú An, Bến Cát, .	106.5823	11.05216	*A2b*	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	15/05/2014	Không
2.37	Cty Sinviet, Mỹ Phước, Bến Cát,	106.6289	11.1384	*A2b*	42	*0*	*30*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.38	KP 5, TT. Mỹ Phước, Bến Cát, .	106.5928	11.16718	*A2b*	39	*0*	*150*	*DC2*	*C*	09/03/2014	2019
2.39	KCN Mỹ Phước Bến cát,	106.6065	11.1304	*A2a*	15	*11*	*0*	*DC2*	*C*	26/12/2014	Không
2.40	Thới Hòa, Bến Cát,	106.6096	11.12457	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/12/2014	2019
2.41	Tân Lập, An Điền, Bến Cát,	106.5673	11.14138	*A2b*	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/04/2015	Không
2.42	An Hòa, Hòa Lợi, Bến Cát,	106.6629	11.09498	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/01/2017	2019
2.43	Ngã tư đường DA4 và NA5, KCN Mỹ Phước 2	106.63	11.13077	*A2c*	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	15/12/2014	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
2.44	đường D9, KCN Mỹ Phước 1, Tx.Bến Cát	106.6	11.1254	*A2c*	22	*0*	*12*	*KDC*	*K*	11/07/2017	Không
2.45	Tân Định	106.6319	11.05024	*A2b*	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	04/01/2017	2019
2.46	Tân Định_Bến Cát_QL13, ấp 3, Tân Định, Bến Cát	106.6282	11.06459	*A2b*	45	*0*	*30*	*KDC*	*C*	15/02/2013	2019
2.47	Rạch Bắp An Tây Bến Cát	106.526	11.12885	*A2b*	48.0	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	Không
2.48	26 ấp 1 An Tây Bến Cát	106.5662	11.07756	*A2b*	42.0	*0*	*150*	*KDC*	*C*	11/02/2010	Không
2.49	Â?p 3An Tây, Bến Cát	106.5387	11.09334	*A2b*	42.0	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/08/2013	Không
2.50	, khu ph 1, m ph c 2, b n cát	106.6187	11.12481	*A2a*	15.0	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
2.51	đường NB5, KCN Mỹ Phước	106.6103	11.14917	*A2a*	15.0	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
2.52	KP4, TT.M Ph c, B n Cát	106.6029	11.13434	*A2b*	30.0	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.53	ấp 4, Xã An Điền Bến Cát	106.5732	11.14885	*A2b*	42.0	*0*	*150*	*KDC*	*C*	07/12/2010	Không
2.54	tổ 3, ấp Bến Đồn, Xã Hòa lợi, Bến Cát	106.6805	11.11426	*A2b*	48.0	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.55	MP2 B n Cát	106.6365	11.12753	*A2a*	21.0	*12*	*0*	*DC2*	*C*	16/12/2010	Không
2.56	KCN Mỹ Phước 1, Bến Cát	106.592	11.12443	*A2b*	45.0	*0*	*30*	*KDC*	*C*	04/07/2017	2019
2.57	KCN Mỹ Phước 3	106.6506	11.10041	*A2b*	42.0	*0*	*30*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
2.58	Lô G 4B ng NA1, KCN M Ph c 1, TX B n Cát	106.618	11.1453	*A2c*	20.0	*0*	*12*	*KDC*	*K*	30/12/2016	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
2.59	p 3, xã Tân nh, TX B n Cát	106.6181	11.06194	*A2b*	42.0	*0*	*150*	*KDC*	*C*	28/06/2016	2019
2.60	Chánh Phú Hòa, Bến Cát,	106.6531	11.16849	*A2b*	42.0	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
2.61	KDC Gucoland M Ph c 3, kp8, p.Chánh Phú Hòa, tx.B n Cát, Bình D ng	106.6643	11.13617	*A2b*	42.0	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/12/2014	2019
2.62	400/14 p 1, Tân nh	106.6502	11.05091	*A2b*	36.0	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/11/2014	2019
2.63	D4A ng D15, KCN M Ph c 1, TX B n Cát	106.5948	11.13322	*A2c*	20.0	*0*	*12*	*KDC*	*K*	05/05/2016	Không
2.64	KCN Mỹ Phước 1, Bến Cát	106.5965	11.12035	*A2c*	20.0	*0*	*12*	*KDC*	*K*	15/01/2015	Không
2.65	đường N6, KCN Mỹ Phước 1	106.6008	11.11828	*A2c*	30.0	*0*	*12*	*KDC*	*K*	11/07/2017	Không
2.66	Khu vực trại giam Bến Lớn	106.618	11.055	*A2b*	42.0	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/04/2015	2019
2.67	Mỹ Phước, Bến Cát	106.6117	11.14334	*A2b*	33.0	*0*	*150*	*DC2*	*C*	10/05/2017	Không
2.68	đường N7, KCN Mỹ Phước 1, Tx.Bến Cát	106.5956	11.1272	*A2c*	30.0	*0*	*12*	*KDC*	*K*	19/04/2015	Không
2.69	đường NA3, KCN Mỹ Phước2, Tx.Bến Cát	106.6217	11.13927	*A2c*	30.0	*0*	*12*	*KDC*	*K*	19/04/2015	Không
2.70	Mỹ Phước, Bến Cát	106.59965	11.15347	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2003	2019
2.71	An Tây, Bến Cát	106.55040	11.08490	A2b	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	07/07/2017	Không
2.72	Chánh Phú Hòa, Bến Cát	106.64581	11.15620	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/01/2017	2019
2.73	KCN Mỹ Phước 2, Bến Cát	106.62090	11.15220	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/04/2017	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
2.74	Mỹ Phước, Bến Cát	106.61323	11.12784	A2b	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	16/12/2010	2019
2.75	Chánh Phú Hòa, Bến Cát	106.67533	11.17963	A2b	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/03/2016	2019
2.76	Mỹ Phước, Bến Cát	106.59530	11.16034	A2b	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	25/05/2016	2019
2.77	An Tây, Bến Cát	106.53310	11.11126	A2b	45	*0*	*150*	*KDC*	*C*	11/08/2014	Không
2.78	An Tây, Bến Cát	106.54500	11.09067	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	29/11/2016	Không
2.79	Mỹ Phước, Bến Cát	106.60382	11.12893	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	03/07/2017	2019
2.80	Thới Hòa, Bến Cát	106.63870	11.09246	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	28/08/2016	Không
2.81	Thới Hòa, Bến Cát	106.65640	11.09100	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/07/2017	2019
2.82	Mỹ Phước, Bến Cát	106.60690	11.16475	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	03/12/2015	2019
2.83	Phú An, Bến Cát	106.59512	11.06999	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/03/2016	Không
2.84	An Điền, Bến Cát	106.58490	11.10325	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/05/2016	Không
2.85	Hòa Lợi, Bến Cát	106.66435	11.12567	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	21/03/2009	2019
2.86	Phú An, Bến Cát	106.55430	11.07277	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/09/2016	Không
2.87	Tân Định, Bến Cát	106.64281	11.05865	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/08/2016	2019
2.88	Mỹ Phước, Bến Cát	106.58072	11.16084	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	06/09/2017	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
2.89	Mỹ Phước, Bến Cát	106.59265	11.15063	A2b	42	*0*	*30*	*KDC*	*C*	27/08/2013	2019
2.90	Hòa Lợi, Bến Cát	106.66362	11.11624	A2b	39	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
2.91	KCN Mỹ Phước 3, Bến Cát	106.64035	11.10618	A2b	39	*0*	*150*	*DC2*	*C*	20/05/2016	2019
2.92	An Điền, Bến Cát	106.58251	11.14436	A2b	39	*0*	*150*	*KDC*	*C*	11/08/2014	Không
2.93	Thới Hòa, Bến Cát	106.64840	11.12003	A2a	36	*12*	*16*	*DC2*	*C*	20/07/2017	Không
2.94	An Tây, Bến Cát	106.57600	11.08210	A2c	36	*0*	*12*	*KDC*	*K*	30/10/2016	Không
2.95	KCN Mỹ Phước 1, Bến Cát	106.59336	11.14125	A2b	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/06/2017	2019
2.96	An Điền, Bến Cát	106.55614	11.14174	A2c	36	*0*	*12*	*KDC*	*K*	25/05/2016	Không
2.97	Thới Hòa, Bến Cát	106.60963	11.08358	A2a	36	*8*	*16*	*DC2*	*C*	30/08/2017	Không
2.98	Hòa Lợi, Bến Cát	106.68301	11.10600	A2c	36	*0*	*12*	*KDC*	*K*	30/09/2017	Không
2.99	Phú An, Bến Cát	106.58610	11.06179	A2a	30	*8*	*16*	*DC2*	*C*	31/03/2016	Không
2.100	KCN Mỹ Phước 2, Bến Cát	106.62611	11.14308	A2c	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	30/12/2016	Không
2.101	KCN Mỹ Phước 2, Bến Cát	106.63990	11.14106	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	27/05/2017	Không
2.102	An Tây, Bến Cát	106.55571	11.08816	A2c	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	03/04/2017	Không
2.103	Hòa Lợi, Bến Cát	106.67121	11.11872	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/10/2017	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
2.104	KCN Mỹ Phước 1, Bến Cát	106.59917	11.13171	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	10/05/2017	Không
3	**Huyện Dầu Tiếng**										
3.1	BCHQS huyện Dầu Tiếng	106.3667	11.30109	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2003	2019
3.2	xã Định Thành, h.Dầu Tiếng, BDG	106.3511	11.31006	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	18/07/2017	Không
3.3	ấp 4, Cần Giăng, Thanh An, Dầu Tiếng	106.4004	11.19577	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	Không
3.4	ấp Long Thọ, Xã Long Hòa, Dầu Tiếng	106.4944	11.3112	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	Không
3.5	226 ấp Hòa Cường, Minh Hòa, Dầu Tiếng	106.4861	11.44759	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	Không
3.6	ấp Xóm Chợ, Thanh Tuyền, Dầu Tiếng	106.445	11.16123	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	Không
3.7	xã An Lập, Dầu Tiếng	106.488	11.23645	*A2b*	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/11/2006	Không
3.8	tổ 6, ấp Bàu Khai, xã An Lập, h.Dầu Tiếng, BDG	106.5023	11.2203	*A2b*	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	24/04/2015	Không
3.9	Ấp 4 –Minh Tân -Dầu Tiếng	106.449	11.40388	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	Không
3.1	KDL Đot Charmpa	106.4254	11.41011	*A2a*	8	*4*	*0*	*DC2*	*C*	15/01/2015	Không
3.11	Ấp Đồng Trai – Xã Định Hiệp – Dầu Tiếng	106.4255	11.30828	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	Không
3.12	Ấp 1 –Xã Minh Thạnh –Dầu Tiếng	106.5329	11.42825	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	Không
3.13	Ấp Thới An -_Định An –Dầu Tiếng	106.4286	11.36956	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
3.14	Tổ 8 –Kiến An –An Lập –Dầu Tiếng	106.5164	11.19747	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	Không
3.15	Tổ 9 ấp Bưng Cồng Thanh Tuyền, Dầu Tiếng	106.4877	11.1513	*A2b*	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/11/2007	Không
3.16	Ấp 3, Long Tân, Dầu Tiếng	106.5367	11.29477	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/06/2008	Không
3.17	ấp 4, An Lập, Dầu Tiếng	106.4618	11.27786	*A2b*	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	25/05/2017	Không
3.18	12/2, KP5,TT.Dầu Tiếng, Dầu Tiếng	106.37	11.2798	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/07/2008	2019
3.19	24 Tổ 5, Định Phước, Định Hiệp, Dầu Tiếng	106.4115	11.27654	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	12/08/2008	Không
3.2	31 Ấp Hóc Măng, LongTân, Dầu Tiếng	106.5183	11.25719	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/07/2008	Không
3.21	Tổ 9 Đường Long,Thanh Tuyền,Dầu Tiếng	106.4652	11.20911	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	09/08/2008	Không
3.22	Ấp 2, Long Tân, Dầu Tiếng	106.551	11.26909	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	07/01/2009	Không
3.23	Ấp 7 - Định An - Dầu Tiếng	106.4162	11.34119	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	06/01/2009	Không
3.24	Ấp 4 - Minh Thạnh - Dầu Tiếng	106.5142	11.44949	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	07/01/2009	Không
3.25	64 Tổ 3 Ấp 1 Cam Xe - Minh Thạnh - Dầu Tiếng	106.5198	11.37929	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	07/01/2009	Không
3.26	72, tổ 2, Giáng Hương, Định Hiệp, Dầu Tiếng	106.4549	11.30352	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/02/2009	Không
3.27	313, tổ 10, Thanh Tân, Thanh An, Dầu Tiếng	106.4226	11.23413	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	12/01/2009	Không
3.28	14, tổ 5, KP 6, TT Dầu Tiếng	106.3612	11.24967	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/01/2009	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
3.29	tổ 4, KP 4, ấp Phố Núi, TT Dầu Tiếng	106.3498	11.29064	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	23/03/2009	2019
3.3	196, Đồng Bà Ba, Long Hoà, Dầu Tiếng	106.5196	11.33507	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/03/2009	Không
3.31	115, ấp Tân Bình, xã Minh Tân, Dầu Tiếng	106.4786	11.39364	*A2b*	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	14/12/2010	Không
3.32	ấp Đồng Sầm, xã Định An, h.Dầu Tiếng.	106.4066	11.3759	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	24/04/2015	Không
3.33	Ấp 4 B, TT Dầu Tiếng	106.3917	11.28614	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	15/01/2014	2019
3.34	minh thạnh,Dầu tiếng	106.506	11.40038	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	31/08/2011	Không
3.35	Ấp Cỏ Trách, Thanh An, Dầu Tiếng	106.4238	11.2047	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/05/2013	Không
3.36	KP6 TT Dầu Tiếng, Dầu Tiếng,	106.3698	11.25778	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/06/2014	2019
3.37	tổ 13, kp 7, TT Dầu Tiếng, h.Dầu Tiếng,	106.3689	11.26562	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	26/12/2014	2019
3.38	kp 6, TT Dầu Tiếng, h.Dầu Tiếng, BDG	106.3735	11.25245	*A2b*	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	26/12/2014	2019
3.39	17, tổ 18, KP 5, TT Dầu Tiếng	106.3822	11.29159	*A2b*	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	25/06/2014	2019
3.4	38 ấp Thới An Định An Dầu Tiếng.	106.4475	11.36357	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	20/11/2015	Không
3.41	Số 21, tổ 2, ấp Hòa Lộc	106.3848	11.43317	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	22/07/2014	Không
3.42	tổ 13, kp 5, TT Dầu Tiếng, h.Dầu Tiếng,	106.3726	11.29167	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/01/2015	2019
3.43	đường 13 tháng 2, TT Dầu Tiếng, Dầu Tiếng,	106.3791	11.28252	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/01/2015	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
3.44	tổ 30, kp 7, TT Dầu Tiếng, h.Dầu Tiếng,	106.3635	11.26803	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/01/2015	2019
3.45	tổ 15, kp 6, TT Dầu Tiếng, h.Dầu Tiếng,	106.3905	11.25658	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	31/08/2016	2019
3.46	tổ 30, kp 1, TT Dầu Tiếng, h.Dầu Tiếng,	106.3677	11.27383	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/01/2015	2019
3.47	đường Đoàn Văn Tiến, TT Dầu Tiếng, Dầu Tiếng,	106.3611	11.28466	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2017	2019
3.48	Công an huyện dầu tiếng	106.3667	11.29124	*A2b*	45	*0*	*150*	*KDC*	*C*	16/01/2013	2019
3.49	ấp Tân Thanh, xã Minh Tân, h.Dầu Tiếng	106.4643	11.42081	*A2b*	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	29/07/2016	Không
3.5	tổ 4, ấp Dáng Hương, xã Định Hiệp, h.Dầu Tiếng, BDG	106.4385	11.27968	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/08/2010	Không
3.51	Vinaphone (cột 42m), ấp Lê Danh Cát, xã Thanh Tuyền, h.Dầu Tiếng, BDG	106.465	11.18511	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/05/2015	Không
3.52	Minh Thạnh, Dầu Tiếng	106.54655	11.40663	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	31/10/2011	Không
3.53	Thanh Tuyền, Dầu Tiếng	106.43450	11.17530	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/05/2015	Không
3.54	Minh Thạnh, Dầu Tiếng	106.54679	11.46751	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	20/11/2015	Không
3.55	Thanh An, Dầu Tiếng	106.38666	11.23193	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	04/08/2008	Không
3.56	Định Thành, Dầu Tiếng	106.38417	11.34500	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	09/08/2008	Không
3.57	Minh Hòa, Dầu Tiếng	106.41580	11.43072	A2b	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	12/01/2009	Không
3.58	Minh Hòa, Dầu Tiếng	106.45198	11.44462	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	09/11/2010	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
3.59	Minh Hòa, Dầu Tiếng	106.43940	11.47624	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/10/2017	Không
3.6	Định An, Dầu Tiếng	106.40945	11.38427	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2011	Không
3.61	Minh Tân, Dầu Tiếng	106.45451	11.34467	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	31/03/2011	Không
3.62	Định Hiệp, Dầu Tiếng	106.38794	11.32054	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/11/2011	Không
3.63	An Lập, Dầu Tiếng	106.53195	11.16675	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	23/12/2010	Không
3.64	Minh Thạnh, Dầu Tiếng	106.49776	11.46437	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/08/2011	Không
3.65	Thanh An, Dầu Tiếng	106.44368	11.23930	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/05/2013	Không
3.66	Thanh Tuyền, Dầu Tiếng	106.47690	11.15940	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/05/2015	Không
3.67	Dầu Tiếng, Dầu Tiếng	106.35858	11.27870	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/09/2015	2019
3.68	Long Hòa, Dầu Tiếng	106.47894	11.32307	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	31/08/2016	Không
3.69	Thanh Tuyền, Dầu Tiếng	106.46465	11.17007	A2b	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	31/12/2010	Không
3.7	Thanh Tuyền, Dầu Tiếng	106.50108	11.14683	A2b	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/12/2016	Không
3.71	Long Tân, Dầu Tiếng	106.51301	11.30026	A2b	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	22/04/2016	Không
3.72	Thanh Tuyền, Dầu Tiếng	106.41648	11.18159	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/06/2008	Không
3.73	Định Hiệp, Dầu Tiếng	106.46572	11.31986	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/12/2008	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
3.74	Minh Thạnh, Dầu Tiếng	106.50407	11.43142	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	21/07/2008	Không
3.75	Định An, Dầu Tiếng	106.41200	11.39780	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	31/05/2016	Không
3.76	An Lập, Dầu Tiếng	106.48108	11.25200	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	24/02/2012	Không
3.77	Thanh Tuyền, Dầu Tiếng	106.51360	11.14325	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/07/2009	Không
3.78	Dầu Tiếng, Dầu Tiếng	106.36611	11.27983	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2017	2019
3.79	Thanh An, Dầu Tiếng	106.39140	11.21462	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/10/2010	Không
3.8	Dầu Tiếng, Dầu Tiếng	106.35806	11.27111	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2004	2019
3.81	Minh Tân, Dầu Tiếng	106.43720	11.39064	A2b	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/10/2017	Không
3.82	Dầu Tiếng, Dầu Tiếng	106.35464	11.27373	A2c	22	*0*	*12*	*KDC*	*K*	26/12/2014	Không
4	**Huyện Phú Giáo**										
4.1	283 Tổ 1, ấp 1, Phước Hòa, Phú Giáo	106.7537	11.24283	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	Không
4.2	47 ấp 4, Tân Hiệp, Phú Giáo	106.7473	11.33355	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	Không
4.3	Tân Long, Phú Giáo	106.6787	11.32826	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/05/2017	Không
4.4	Xã An Bình – Phú Giáo	106.8229	11.34358	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	Không
4.5	Ấp An Thái –Phú Giáo	106.7334	11.3889	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
4.6	Ấp 1B –Phước Hòa –Phú Giáo	106.7253	11.22385	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/05/2017	Không
4.7	5 ấp 1B, xã Vĩnh Hoà Huyện Phú Giáo	106.7607	11.30082	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	02/08/2008	Không
4.8	Ấp Bàu Trư, xã An Bình, Phú Giáo	106.8286	11.3748	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/06/2008	Không
4.9	ấp 30/04, Xã An Linh Phú Giáo	106.7244	11.35452	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/08/2008	Không
4.1	331 Ấp 1A, Phú Giáo	106.7724	11.26629	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	18/07/2008	2019
4.11	142, Ấp 3, Tân Hiệp, Phú Giáo	106.7502	11.31764	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/08/2008	Không
4.12	An Phước, An Thái, Phú Giáo,	106.7828	11.45877	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	28/03/2009	Không
4.13	Xã Phước Sang - Phú Giáo	106.7754	11.36502	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	26/02/2009	Không
4.14	Ấp Gia Biện, Xã Tam Lập, Phú Giáo	106.9059	11.2929	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	06/04/2009	Không
4.15	Âp 2B, Xã Phước Hòa - Phú Giáo	106.7734	11.2169	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	04/09/2008	Không
4.16	Ấp Bố Lá, Phước Hòa - Phú Giáo	106.7199	11.20533	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/09/2008	Không
4.17	Khu Phố 4 - Thị Trấn - Phước Vỉnh - Phú Giáo	106.7915	11.31659	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	03/07/2017	2019
4.18	Tổ 1, ấp 2A, xã vỉnh hòa, Phú Giáo	106.844	11.23652	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/03/2009	Không
4.19	ấp 1 B, Xã Phước Hòa, Phú Giáo	106.7355	11.23289	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	11/05/2009	Không
4.2	Ấp 6, xã Tân Long, Phú Gíao,	106.6569	11.34282	*A2b*	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	14/12/2010	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
4.21	94, ấp Đông Tân, Xã Phước Sang, Phú Giáo	106.787	11.382	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	07/12/2010	Không
4.22	123, ấp 5, Xã An Thái, Phú Giáo, BD	106.7521	11.41397	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	23/12/2010	Không
4.23	Xã an linh, Phú giáo	106.711	11.32987	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2011	Không
4.24	Tam lap, Phu Giao, Binh Duong	106.906	11.3371	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/02/2012	Không
4.25	xã an long,Phú giáo	106.6891	11.38119	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	31/07/2011	Không
4.26	An Linh, Phú Giáo, .	106.7254	11.37291	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/05/2014	Không
4.27	tiểu đoàn 60, TT Phước Vĩnh, h.Phú Giáo,	106.798	11.29707	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2017	2019
4.28	KP6, TT Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo	106.8023	11.31511	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/01/2015	2019
4.29	ấp Bình Hòa	106.8247	11.3561	*A2b*	39	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/05/2013	Không
4.3	Ấp , An Linh Phú Gíao,	106.7318	11.33926	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/05/2015	Không
4.31	Phú Giáo	106.7113	11.31627	*A2b*	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/05/2015	Không
4.32	Phước Vĩnh, Phú Giáo	106.79167	11.29613	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2003	2019
4.33	An Thái, Phú Giáo	106.76841	11.47752	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/11/2013	Không
4.34	Phước Sang, Phú Giáo	106.76365	11.35024	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/05/2015	Không
4.35	An Bình, Phú Giáo	106.84489	11.35670	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/06/2016	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
4.36	An Bình, Phú Giáo	106.84528	11.37168	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	13/01/2017	Không
4.37	Tân Long, Phú Giáo	106.72152	11.28212	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	20/06/2016	Không
4.38	Tam Lập, Phú Giáo	106.85504	11.28286	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/08/2008	Không
4.39	Tam Lập, Phú Giáo	106.80570	11.24739	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/05/2009	Không
4.4	Phước Vĩnh, Phú Giáo	106.81501	11.29053	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/03/2009	2019
4.41	Phước Sang, Phú Giáo	106.77303	11.33349	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	28/12/2010	Không
4.42	Vĩnh Hòa, Phú Giáo	106.80815	11.22565	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	23/12/2010	Không
4.43	Vĩnh Hòa, Phú Giáo	106.78897	11.26676	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	21/12/2010	Không
4.44	Vĩnh Hòa, Phú Giáo	106.78340	11.30386	A2b	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/12/2010	Không
4.45	Phước Hòa, Phú Giáo	106.71815	11.23959	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	24/12/2010	Không
4.46	An Bình, Phú Giáo	106.84028	11.34068	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	09/05/2017	Không
4.47	An Bình, Phú Giáo	106.81067	11.36065	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	28/11/2011	Không
4.48	Vĩnh Hòa, Phú Giáo	106.76442	11.27448	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/05/2013	Không
4.49	An Bình, Phú Giáo	106.81636	11.31298	A2b	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	29/09/2014	Không
4.5	An Thái, Phú Giáo	106.73218	11.40220	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/05/2015	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
4.51	Phước Vĩnh, Phú Giáo	106.79313	11.29044	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	07/08/2015	2019
4.52	An Long, Phú Giáo	106.68863	11.35499	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	20/06/2016	Không
4.53	Phước Sang, Phú Giáo	106.83079	11.28498	A2b	45	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/05/2015	Không
4.54	Vĩnh Hòa, Phú Giáo	106.78974	11.28322	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	Không
4.55	An Bình, Phú Giáo	106.82187	11.32094	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	29/07/2008	Không
4.56	Phước Vĩnh, Phú Giáo	106.80611	11.30237	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	03/01/2008	2019
4.57	Phước Hòa, Phú Giáo	106.73201	11.25837	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	24/03/2009	Không
4.58	Phước Vĩnh, Phú Giáo	106.79989	11.29226	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/04/2015	2019
4.59	Phước Vĩnh, Phú Giáo	106.79888	11.28780	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/01/2015	2019
4.6	Phước Vĩnh, Phú Giáo	106.80688	11.29089	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/01/2015	2019
4.61	Vĩnh Hòa, Phú Giáo	106.78086	11.27481	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/05/2015	Không
4.62	An Bình, Phú Giáo	106.83232	11.36381	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/05/2015	Không
4.63	Phước Vĩnh, Phú Giáo	106.79697	11.28130	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	20/08/2015	2019
4.64	Vĩnh Hòa, Phú Giáo	106.76443	11.25941	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/06/2016	Không
4.65	Vĩnh Hòa, Phú Giáo	106.76749	11.28587	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/07/2008	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
5	**Thành phố Thủ Dầu Một**										
5.1	29/67 ĐL , Tân An, TXTDM	106.6378	11.03723	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/08/2008	2018
5.2	trường chính trị, KDC Chánh Nghĩa, p.Chánh Nghĩa, tp.TDM	106.6679	10.96975	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	12/02/2014	2019
5.3	Huỳnh Văn Cù, Chánh Mỹ, TXTDM	106.6487	10.99152	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/06/2008	2019
5.4	KDC Chánh Nghĩa, P. Chánh Nghĩa, TXTDM, BD	106.6703	10.97307	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	20/07/2017	2019
5.5	20/9 Khu 9,P.Phú Hòa,TXTDM	106.696	10.98854	*A2b*	33	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2003	2019
5.6	Khu 7,P.Phú Hòa,TXTDM	106.6871	10.96507	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/01/2014	2018
5.7	Tổ 3 Khu 9, P.Phú Hòa,TXTDM	106.6918	10.98083	*A2a*	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	25/05/2017	Không
5.8	Khu 7 –Phường Phú Lợi – TX.TDM	106.6753	10.99242	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	28/11/2013	2018
5.9	27/18 ấp Chánh Mỹ TX TDM BD	106.642	10.98866	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
5.10	56-D2, KDC Phú Hòa, tổ 3, khu 7, p.Phú Hòa	106.6788	10.97388	*A2b*	30	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	Không
5.11	3/39 Ấp 5, Phú Mỹ, TX TDM	106.6814	11.03467	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.12	Bưng Cải, hiệp Thành,- Tx. Thủ Dầu Một	106.6572	10.98549	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	04/08/2008	2018
5.13	Ấp 3 Định Hòa, TX Thủ Dầu Một	106.6632	11.02575	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.14	1753 ĐLBD, Ấp 2, Hiệp An, TX.TDM	106.6346	11.04259	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	06/10/2008	2018

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
5.15	1/78 Tổ 78, xã Tân An TXThủ Dầu Một	106.6135	11.04668	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
5.16	Lô PM, Ô3, Phú Mỹ, TX.Thủ Dầu Một	106.6903	11.02486	*A2a*	18	*7.5*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
5.17	18/14N, Tổ14, Phú THọ, TX Thủ Dầu Một	106.6623	10.95375	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.18	3/69, Võ Minh Đức, P.Phú Thọ	106.6589	10.9496	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.19	323 Đường 30/4, P.Phú Thọ, TX TDM	106.6683	10.96437	*A2a*	15	*9*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
5.20	Ấp 8 Xã Tân An - Tx. TDM	106.6255	11.03054	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.21	40/14 Tổ 14 - Xã Tân An - Tx. TDM	106.617	11.01519	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.22	26/60,Tổ 60 K6 Ấp 2- Tương Bình Hiệp - TxTDM	106.6297	11.00606	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
5.23	18/22 Tổ 22 ấp 3- Xã Phú Mỹ - Tx.TDM	106.6666	11.00783	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.24	16/6 Tổ 6, Xã Phú Mỹ, Tx.TDM	106.6833	11.00827	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.25	22/5 Tổ 5, Ấp 1,Tương Bình Hiệp, TXTDM	106.6263	11.01497	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
5.26	31/70 tổ 10,Khu 8,Tương Bình Hiệp - Tx.TDM	106.6434	11.01586	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
5.27	48/41, tổ 41, khu 10, ấp 5, xã Tân An, TX. TDM, BD	106.6143	11.0271	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
5.28	17/38 tổ 38,ấp 5, tương Bình Hiệp - Tx. TDM	106.6382	11.00726	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
5.29	20/45, Ấp 5 - xã Định Hòa - Tx.TDM	106.6453	11.0343	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
5.30	22/34 Tổ 34,Ấp 5 - Phú Mỹ - TDM	106.6822	11.02583	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.31	Sư Đòan 7, P Phú Lợi Tx. TDM	106.6892	10.99963	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.32	Xã Chánh Mỹ, Tx.TDM	106.644	10.99962	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
5.33	30/51 Ấp 6, Xã Định Hòa, TX. TDM	106.6508	11.04274	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.34	Khu 9 - Phường Phú Hòa - Tx.TDM	106.6872	10.97261	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.35	Tiểu đoàn 19 lữ đoàn 71, P. Phú Hoà, Thị xã TDM	106.7045	10.99516	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.36	Bãi xe (Khu nha nghi nhan vien) - Đại Nam	106.6301	11.03402	*A2a*	15	*10*	*0*	*DC1*	*C*	01/01/2012	Không
5.37	Khu hanh chanh vuon thu-Đại Nam	106.6254	11.04889	*A2a*	18	*8*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
5.38	25/13/4 - khu 2- P.Phú lợi - TXTDM	106.6723	10.98802	*A2a*	18	*13*	*0*	*KDC*	*K*	03/09/2009	Không
5.39	gần cầu phú cường,Chánh Mỹ,Tx. TDM	106.6425	10.98322	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	14/08/2009	2019
5.40	595/19 khu 5, p. hiệp thành	106.6666	10.99919	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
5.41	Phường Chánh Nghĩa, TX Thủ Dầu Một,	106.6528	10.9633	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
5.42	Tổ 61, Phường Phú Lợi, TXTDM, BD	106.6826	10.99554	*A2a*	18	*9.5*	*0*	*KDC*	*K*	28/02/2012	Không
5.43	Phường Phú Mỹ, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh	106.6656	11.01371	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	08/11/2011	2019
5.44	Phú Lợi, TDM,	106.6881	10.98731	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/06/2013	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
5.45	29/1 ấp Mỹ Hảo, xã Chánh Mỹ, Tp Thủ Dầu Một, tỉnh	106.6267	10.98529	*A2b*	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
5.46	Đình Hòa, TX. TDM, BD	106.6558	11.0314	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	07/05/2016	2018
5.47	Phú Lợi, TDM,	106.6765	11.00176	*A2a*	18	*13*	*0*	*KDC*	*K*	15/05/2013	Không
5.48	P. Hiệp thành, TP.TDM,	106.663	10.99378	*A2b*	45	*0*	*30*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
5.49	Phường Phú Hòa, TX Thủ Dầu Một,	106.6905	11.08495	*A2a*	18	*11*	*0*	*DC2*	*C*	24/04/2015	Không
5.50	Huỳnh Khúc Kháng, gần Toyota, TP.mới	106.6816	11.04901	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/02/2015	2018
5.51	Chánh Mỹ, TP. TDM, Nình Dương	106.6439	10.99398	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/12/2014	2018
5.52	Phú Hòa, Thủ Dầu Một,	106.6705	10.99391	*A2a*	18	*7*	*0*	*KDC*	*K*	19/11/2014	Không
5.53	KCN Đồng An 2, p.Hòa Phú, tp.TDM,G	106.677	11.1039	*A2c*	22	*0*	*12*	*KDC*	*K*	15/01/2015	Không
5.54	Taân An, TP. TDM,	106.6199	11.02186	*A2b*	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	19/11/2014	2019
5.55	Nguyễn Tri Phương, KP8, Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một	106.6504	10.96888	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	18/09/2015	2019
5.56	48/45, tỔ B45 Ấp 5, Tân An, TDM-BD	106.6167	11.03305	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/11/2014	2019
5.57	P. Tương Bình Hiệp, TP TDM, BD	106.6228	11.00493	*A2b*	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	19/11/2014	2019
5.58	40 Đường DX51, Tổ 17, KP4, TDM, BD	106.6717	11.00778	*A2a*	18	*7*	*0*	*KDC*	*K*	19/11/2014	Không
5.59	Cuối đường số 2, KCN Sóng Thần 3, TDM,	106.6991	11.02507	*A2b*	22	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/12/2014	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
5.60	Phú Tân, TDM,	106.7108	11.05164	*A2a*	18	*10*	*0*	*KDC*	*K*	15/12/2014	Không
5.61	Xã Phú Mỹ, TX. TDM, BD	106.6775	11.00705	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/01/2015	2018
5.62	Xã Phú Mỹ	106.6827	11.02002	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/01/2015	2018
5.63	P. Chánh Nghĩa. TP. TDM. BD	106.6822	10.96375	*A2b*	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	17/12/2015	2019
5.64	169, Nguyễn văn Tiết	106.6529	10.98769	*A2b*	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	29/05/2014	2019
5.65	309, Bùi ngọc thu, Thủ Dầu Một, BDG	106.6389	11.01453	*A2b*	39	*0*	*150*	*DC2*	*C*	25/06/2013	2019
5.66	Phú hòa_Thủ Dầu Một	106.6914	10.97115	*A2b*	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	15/10/2015	2019
5.67	Ngô văn trị, Thủ Dầu Một, BDG	106.673	10.98253	*A2a*	20	*12*	*0*	*DC2*	*C*	07/05/2015	Không
5.68	KP8, Lê Hồng phong, Thủ Dầu Một, BDG	106.6702	10.95794	*A2b*	30	*0*	*150*	*DC2*	*C*	24/06/2017	2019
5.69	238, Nguyễn Văn Tiết, Thủ Dầu Một, BDG	106.6487	10.98549	*A2a*	15	*15*	*0*	*DC2*	*C*	15/10/2015	Không
5.70	P. Phú Lợi	106.6773	10.98565	*A2a*	20	*12*	*0*	*DC2*	*C*	04/03/2013	Không
5.71	295, đường bùi quốc khánh, tổ 64, KP7., Thủ Dầu Một, BDG	106.6574	10.96815	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/10/2015	Không
5.72	P. Chánh Nghĩa	106.6641	10.97134	*A2a*	21	*12*	*0*	*DC2*	*C*	04/03/2013	Không
5.73	233/45, đại lộ , Thủ Dầu Một, BDG	106.6742	10.96925	*A2b*	20	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/06/2013	Không
5.74	Nguyễn thị minh khai, KP8_phú hòa_Thủ Dầu Một	106.6856	10.98146	*A2b*	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	29/07/2013	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
5.75	P. Hiệp Thành	106.6568	10.99198	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	03/10/2008	2019
5.76	59, ĐX 83, định hòa_Định hòa_Thủ Dầu Một	106.6506	11.01285	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	29/07/2013	2019
5.77	Hiệp An_Thủ Dầu Một_175, khu 3, đường Lê Chí Dân, Hiệp An, Thủ Dầu Một	106.6332	11.03146	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2017	2019
5.78	tòa nhà Sora Garden, Đại lộ Hùng Vương, Thành phố mới , Phường Hòa Phú, Thành Phố Thủ Dầu	106.6787	11.04617	*A1b*	1	*60*	*0*	*KDC*	*K*	16/03/2017	Không
5.79	Phú Thọ, Thủ Dầu Một,	106.6737	10.97806	*A2a*	16	*12*	*0*	*KDC*	*K*	06/05/2016	Không
5.80	Khu TĐC Phú Chánh, xã Phú Chánh, Tân Uyên,	106.6932	11.06668	*A2a*	18	*11*	*16*	*DC2*	*C*	04/03/2015	Không
5.81	Sân Golf PHÚ Mỹ,368 Trần Ngọc Lên, Hòa Phú Thủ Dầu Một,	106.6708	11.02009	*A2c*	36	*0*	*12*	*KDC*	*K*	12/10/2015	Không
5.82	P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một	106.68388	10.98720	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/01/2013	2019
5.83	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.69106	11.05316	A2b	48	*0*	*30*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
5.84	Tương Bình Hiệp, TP Thủ Dầu Một	106.63279	11.02087	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	21/07/2008	2019
5.85	P. Định Hòa, TP Thủ Dầu Một	106.65626	11.05635	A2b	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
5.86	P. Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một	106.65635	10.97318	A2b	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	17/12/2015	2019
5.87	P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một	106.66287	10.96954	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	21/01/2009	2019
5.88	P. Hiệp Thành, TP Thủ Dầu Một	106.65841	11.00730	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
5.89	P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một	106.67591	10.95903	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	12/04/2016	2019
5.90	P. Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một	106.66167	10.96138	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	09/12/2015	Không
5.91	P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một	106.69843	11.00471	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	11/03/2017	2019
5.92	P. Định Hòa, TP Thủ Dầu Một	106.64728	11.02679	A2b	39	*0*	*150*	*DC2*	*C*	25/03/2016	2019
5.93	P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một	106.66614	10.98625	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2004	2018
5.94	P. Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một	106.67868	11.01533	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	03/10/2008	2018
5.95	P. Định Hòa, TP Thủ Dầu Một	106.64763	11.00831	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	2018
5.96	Hiệp An, TP Thủ Dầu Một	106.64868	11.02322	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	24/12/2010	2018
5.97	P. Tân An, TP Thủ Dầu Một	106.63006	11.04346	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	20/07/2017	2018
5.98	P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một	106.67819	10.98088	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	02/02/2016	2018
5.99	P. Phú Cường, TP Thủ Dầu Một	106.66207	10.98272	A2b	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	20/06/2017	Không
5.10	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.66809	11.07520	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	06/05/2016	2018
5.101	P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một	106.67384	10.96462	A2c	36	*0*	*12*	*KDC*	*K*	07/05/2016	Không
5.102	Hiệp An, TP Thủ Dầu Một	106.64128	11.02180	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/12/2014	2018
5.103	Tương Bình Hiệp, TP Thủ Dầu Một	106.63181	11.01207	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/11/2014	2018

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
5.104	P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một	106.67832	10.96240	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/08/2016	2018
5.105	P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một	106.66617	10.99158	A2c	36	*0*	*12*	*KDC*	*K*	25/09/2015	Không
5.106	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.69762	11.01081	A2c	36	*0*	*12*	*KDC*	*K*	29/05/2010	Không
5.107	P. Tân An, TP Thủ Dầu Một	106.62015	11.03984	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.108	Hiệp An, TP Thủ Dầu Một	106.63698	11.02681	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
5.109	P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một	106.68696	11.04569	A2a	30	*12*	*0*	*DC2*	*C*	28/11/2013	Không
5.110	P. Hiệp Thành, TP Thủ Dầu Một	106.65354	11.00276	A2a	30	*8*	*0*	*DC2*	*C*	25/04/2014	Không
5.111	P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một	106.69921	11.04644	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	03/12/2016	Không
5.112	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.67324	11.04920	A2c	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	15/12/2014	Không
5.113	Chánh Mỹ, TP Thủ Dầu Một	106.65373	10.99584	A2b	30	*0*	*150*	*DC2*	*C*	29/09/2016	2019
5.114	P. Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một	106.65751	10.95764	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	24/06/2017	2018
5.115	P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một	106.68464	10.97716	A2c	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	24/06/2017	Không
5.116	P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một	106.70868	11.03973	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	30/08/2016	Không
5.117	P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một	106.69537	11.03945	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	18/10/2016	Không
5.118	P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một	106.69808	11.02034	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	30/10/2016	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
5.119	P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một	106.68777	11.01604	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/10/2016	2018
5.120	P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một	106.67680	10.99774	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	03/04/2017	Không
5.121	P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một	106.70087	11.04048	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	18/10/2016	Không
5.122	P. Hiệp Thành, TP Thủ Dầu Một	106.65724	10.99983	A2b	27	*0*	*150*	*KDC*	*C*	03/07/2017	2018
5.123	P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một	106.66720	10.96510	A2b	22	*0*	*150*	*DC2*	*C*	24/11/2016	2019
5.124	P. Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một	106.66522	10.97595	A2a	21	*12*	*0*	*DC2*	*C*	06/02/2010	Không
5.125	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.67743	11.07285	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	27/05/2014	Không
5.126	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.68123	11.08859	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	07/07/2017	Không
5.127	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.68322	11.07999	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	22/03/2014	Không
5.128	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.68427	11.10099	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	24/04/2015	Không
5.129	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.67349	11.10052	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	24/04/2015	Không
5.130	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.67459	11.08500	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	10/07/2017	Không
5.131	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.69442	11.10486	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	24/04/2015	Không
5.132	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.69446	11.11676	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	24/04/2015	Không
5.133	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.69705	11.03284	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	24/04/2015	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
5.134	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.68517	11.09389	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	15/12/2014	Không
5.135	P. Phú Cường, TP Thủ Dầu Một	106.65350	10.97749	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	25/11/2013	Không
5.136	P. Phú Cường, TP Thủ Dầu Một	106.65302	10.98333	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	17/12/2015	Không
5.137	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.66502	11.06792	A2a	18	*16*	*0*	*KDC*	*K*	10/07/2017	Không
5.138	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.68519	11.06874	A2a	18	*12*	*0*	*DC2*	*C*	22/12/2013	Không
5.139	P. Định Hòa, TP Thủ Dầu Một	106.64182	11.03616	A2c	18	*0*	*12*	*KDC*	*K*	09/11/2014	Không
5.140	P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một	106.68003	10.96772	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	30/11/2005	Không
5.141	P. Phú Cường, TP Thủ Dầu Một	106.65000	10.98110	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
5.142	P. Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một	106.66068	10.97581	A2a	12	*12*	*0*	*KDC*	*K*	30/11/2003	Không
5.143	P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một	106.66939	10.97965	A2a	12	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2008	Không
5.144	P. Phú Cường, TP Thủ Dầu Một	106.65586	10.98143	A2a	9	*16*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
5.145	P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một	106.66949	10.97693	A1b	5	*60*	*0*	*KDC*	*K*	02/11/2010	Không
5.146	P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một	106.67026	10.97634	A1b	5	*60*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
5.147	P. Hiệp Thành, TP Thủ Dầu Một	106.66416	10.98686	A1b	5	*60*	*0*	*KDC*	*K*	17/06/2017	Không
5.148	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.67564	11.05697	A1b	4	*60*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
5.149	P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một	106.67648	10.97486	A1a	3	*60*	*0*	*KDC*	*K*	17/07/2015	Không
5.150	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	106.68276	11.05632	A1b	3	*60*	*0*	*KDC*	*K*	17/06/2017	Không
6	**Thị xã Dĩ An**										
6.1	15/10 ấp Tây A, Đông Hòa, Dĩ An	106.7774	10.89942	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	09/02/2010	2019
6.2	Mã trạm RRU kéo dài	106.745	10.89938	*A2b*	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/10/2016	2019
6.3	725/2 Xã Tân Đông Hiệp –Dĩ An	106.764	10.92624	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/03/2009	2018
6.4	Lữ đòan phòng không 71, Bình Hòa, Thuận An	106.7474	10.88882	*A2b*	30	*0*	*150*	*DC1*	*C*	01/01/2012	2018
6.5	Ấp tây - Đông Hòa - Dĩ An	106.7818	10.89061	*A2a*	15	*10*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
6.6	Ấp Tân Long - tân Đông Hiệp - Dĩ An	106.7584	10.91462	*A2a*	15	*8*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
6.7	2/30, kp Nhị Đồng, TT Dĩ An, h.Dĩ An	106.7608	10.90023	*A2a*	15	*10*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
6.8	38/6 Ấp Tân Hòa Xã Đông Hòa Dĩ An	106.7824	10.86802	*A2a*	15	*9*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
6.9	Đông Thành, Tân Đông Hiệp, Dĩ An	106.7724	10.92188	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
6.10	265/9B,Đông Chiêu,Tân Đông Hiệp - Dĩ An	106.7533	10.92125	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
6.11	Ấp Hiệp Thắng, Bình Thắng, Dĩ An	106.8137	10.88719	*A2a*	15	*26*	*0*	*KDC*	*K*	30/09/2009	Không
6.12	KHC Huyện Dĩ An,Dĩ An	106.7652	10.89472	*A2b*	42	*0*	*30*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
6.13	An bình, dĩ an	106.7538	10.87398	*A2a*	18	*9*	*0*	*KDC*	*K*	26/12/2008	Không
6.14	452C/10 Châu Thới, Bình An, Dĩ An	106.7965	10.90771	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	03/10/2008	2018
6.15	40/17, Bình Đường 3, Dĩ An	106.753	10.86753	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
6.16	320B, ấp Bình Thung, Xã Bình An	106.8057	10.9024	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
6.17	Nhà trọ ngọc mai, BT15 ,Binh Đương 2, xã An Binh, dĩ An,	106.76	10.87149	*A2a*	18	*17*	*0*	*DC2*	*C*	08/12/2009	Không
6.18	18/32 Đương D5 , Khu phố thông nhất	106.7523	10.90349	*A2a*	18	*8*	*0*	*KDC*	*K*	10/05/2017	Không
6.19	15/20 ấp đông chiêu, xã Tân Đông Hiệp	106.7576	10.92174	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
6.20	4/18 tổ 18 KP. Thắng Lợi 2	106.7644	10.90207	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/09/2009	2018
6.21	23/14 Khu C, Ấp Tân Phú, Xã Tân Bình, Dĩ An	106.7563	10.93289	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/09/2012	2018
6.22	Nhà khách đại học Quốc gia,ấp Tân Lập, Xã Đông Hòa, Dĩ An,	106.795	10.87946	*A2b*	6	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/09/2009	Không
6.23	Kp Thống Nhất - GTT Dĩ An	106.753	10.907	*A2a*	18	*8*	*0*	*KDC*	*K*	29/12/2011	Không
6.24	23/1A ấp Tân An, TĐH, Dĩ An	106.7877	10.90944	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/09/2012	2018
6.25	chung cư Thuận Kiều	106.7938	10.90726	*A2b*	6	*0*	*150*	*DC2*	*C*	26/12/2014	Không
6.26	249, đường 11, k.4, linh xuân	106.7678	10.89132	*A2a*	15	*7*	*0*	*KDC*	*K*	06/02/2010	Không
6.27	Cty GD Trans Đs 10 KCN Sóng Thần 1	106.754	10.895	*A2b*	42	*0*	*30*	*DC2*	*C*	13/01/2017	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
6.28	Bệnh viện 4, Quân đoàn 4, đường DT473, Dĩ An,	106.7417	10.88974	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	28/11/2013	2019
6.29	xã An Bình, Huyện Dĩ An, Tỉnh	106.75	10.871	*A2a*	15	*11.5*	*0*	*KDC*	*K*	05/06/2012	Không
6.30	Thị trấn Dĩ An, Dĩ An,	106.7618	10.8956	*A2a*	18	*6*	*0*	*KDC*	*K*	19/12/2013	Không
6.31	02/2 Tân Thắng, Tân Bình, Dĩ An,	106.7679	10.93894	*A2b*	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	28/06/2016	2019
6.32	Khu Hành chính Dĩ An, TX. Dĩ An,	106.763	10.89002	*A2a*	18	*11*	*0*	*KDC*	*K*	19/12/2013	Không
6.33	Giáo dục quốc phòng, Đông Hòa, Dĩ An	106.8002	10.89116	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	21/06/2017	2019
6.34	Đông Chiêu, Tân Đông Hiệp, Dĩ An,	106.757	10.92667	*A2b*	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	10/05/2017	2019
6.35	333/12, Kp Tây A, Đông B, Đông Hòa, Dĩ An,	106.7801	10.897	*A2a*	18	*10*	*0*	*KDC*	*K*	28/06/2016	Không
6.36	3QH thuộc KCN Dệt May Bình An, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An,	106.8216	10.89418	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/05/2017	2019
6.37	Khu đô thị TT Hành Chính Dĩ An, Dĩ An	106.7604	10.88877	*A2a*	21	*16*	*0*	*KDC*	*K*	13/01/2017	Không
6.38	Khu phố Đông B, P. Đông Hòa, Dĩ An,	106.781	10.9042	*A2b*	39	*0*	*150*	*KDC*	*C*	24/04/2015	Không
6.39	Âp Tây B, Đông Hòa, Dĩ An,	106.7781	10.89016	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	15/12/2015	2019
6.40	KP. Đông Tác, P. Tân Đông Hiệp, Dĩ An	106.7703	10.92738	*A2b*	27	*0*	*150*	*DC2*	*C*	28/06/2016	2019
6.41	kp Tân Hiệp , P,Tân Bình , Dĩ An ,	106.7547	10.96138	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	12/07/2017	2019
6.42	KP Đông A, P. Đông Hà, TX Dĩ An,	106.7854	10.89421	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/07/2017	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
6.43	Đông Hòa. Dĩ An	106.7721	10.90108	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2017	Không
6.44	46/13 Tân Hòa, Đông Hòa, Dĩ An,	106.7843	10.88776	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/05/2017	Không
6.45	17A/20, Khu phố Nhị Đồng 1	106.7593	10.90221	*A2a*	21	*10*	*0*	*KDC*	*K*	10/05/2017	Không
6.46	KP Châu Thới	106.8022	10.91725	*A2b*	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	14/12/2013	2019
6.47	TBA 110kV Bình An - Đường DT 743 KP Ngãi Thắng, Dĩ an, BDG	106.8181	10.89879	*A2b*	36	*0*	*30*	*KDC*	*C*	01/05/2015	2019
6.48	P. Dĩ An, TX Dĩ An	106.77093	10.91108	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2007	2019
6.49	KCN Tân Đông Hiệp B, TX Dĩ An	106.78070	10.92072	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	14/08/2009	2019
6.50	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.74219	10.92889	A2b	45	*0*	*30*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
6.51	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.76174	10.92955	A2b	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
6.52	P. An Bình, TX Dĩ An	106.73867	10.88374	A2b	42	*0*	*30*	*KDC*	*C*	04/08/2008	2019
6.53	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.77823	10.91201	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/09/2012	2019
6.54	P. Bình Thắng, TX Dĩ An	106.83282	10.90022	A2b	42	*0*	*30*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
6.55	P. Tân Bình, TX Dĩ An	106.74736	10.94922	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/05/2017	2019
6.56	P. Bình An, TX Dĩ An	106.80999	10.89199	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	12/09/2017	2019
6.57	P. Đông Hòa, TX Dĩ An	106.78911	10.89168	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2009	2018

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
6.58	KCN Sóng Thần 1, TX Dĩ An	106.74228	10.88331	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/05/2013	2018
6.59	P. An Bình, TX Dĩ An	106.75571	10.86985	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	09/12/2010	2018
6.60	P. Tân Bình, TX Dĩ An	106.74974	10.94297	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	09/10/2014	2018
6.61	P. Bình An, TX Dĩ An	106.76629	10.90660	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/06/2013	2018
6.62	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.74891	10.91682	A2c	36	*0*	*12*	*KDC*	*K*	01/03/2017	Không
6.63	P. Tân Bình, TX Dĩ An	106.76205	10.93684	A2c	36	*0*	*12*	*KDC*	*K*	01/03/2017	Không
6.64	P. Dĩ An, TX Dĩ An	106.76862	10.89880	A2c	36	*0*	*12*	*KDC*	*K*	22/09/2017	Không
6.65	KCN Sóng Thần 2, TX Dĩ An	106.75244	10.88710	A2c	31	*0*	*12*	*DC2*	*C*	10/07/2017	Không
6.66	KCN Sóng Thần 2, TX Dĩ An	106.75040	10.89219	A2c	31	*0*	*12*	*DC2*	*C*	19/04/2015	Không
6.67	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.74875	10.92710	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
6.68	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.78382	10.91195	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
6.69	P. Dĩ An, TX Dĩ An	106.77140	10.90617	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
6.70	P. Đông Hòa, TX Dĩ An	106.78616	10.89844	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/09/2012	2018
6.71	P. Dĩ An, TX Dĩ An	106.76375	10.90908	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
6.72	P. Tân Bình, TX Dĩ An	106.75425	10.94953	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
6.73	P. Tân Bình, TX Dĩ An	106.75750	10.94456	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
6.74	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.76514	10.91766	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/09/2012	2018
6.75	P. Tân Bình, TX Dĩ An	106.77846	10.93346	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
6.76	P. Đông Hòa, TX Dĩ An	106.78521	10.88320	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
6.77	P. Đông Hòa, TX Dĩ An	106.77462	10.89370	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/09/2012	2018
6.78	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.75262	10.91377	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
6.79	KCN Sóng Thần 2, TX Dĩ An	106.74500	10.92050	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	01/05/2016	Không
6.80	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.77567	10.90498	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/07/2017	2018
6.81	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.77323	10.91661	A2c	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	01/10/2010	Không
6.82	P. An Bình, TX Dĩ An	106.78571	10.92634	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	30/08/2016	Không
6.83	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.74479	10.91174	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	10/07/2017	Không
6.84	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.74496	10.90466	A2a	21	*12*	*0*	*KDC*	*K*	13/01/2017	Không
6.85	KCN Sóng Thần 2, TX Dĩ An	106.74233	10.89352	A2c	20	*0*	*12*	*DC2*	*C*	01/05/2015	Không
6.86	KCN Sóng Thần 2, TX Dĩ An	106.74862	10.88462	A2c	20	*0*	*12*	*DC2*	*C*	01/05/2015	Không
6.87	KCN Tân Đông Hiệp A, TX Dĩ An	106.78714	10.90493	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	19/04/2015	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
6.88	KCN Sóng Thần 2, TX Dĩ An	106.75729	10.89811	A2c	20	*0*	*12*	*DC2*	*C*	28/04/2016	Không
6.89	P. Dĩ An, TX Dĩ An	106.74951	10.90848	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
6.90	P. Bình An, TX Dĩ An	106.79424	10.89739	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
6.91	P. Dĩ An, TX Dĩ An	106.79204	10.90214	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
6.92	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.75572	10.91129	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	13/08/2009	Không
6.93	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.78681	10.91709	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
6.94	P. An Bình, TX Dĩ An	106.76436	10.88600	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	30/09/2012	Không
6.95	P. An Bình, TX Dĩ An	106.75773	10.88473	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
6.96	P. Tân Bình, TX Dĩ An	106.78238	10.92944	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	10/12/2014	Không
6.97	P. Bình An, TX Dĩ An	106.80315	10.89621	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	10/12/2014	Không
6.98	P. Bình Thắng, TX Dĩ An	106.82600	10.90051	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	02/09/2015	Không
6.99	P. Tân Bình, TX Dĩ An	106.75596	10.93817	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	10/07/2017	Không
6.100	P. Dĩ An, TX Dĩ An	106.74773	10.90007	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/12/2016	Không
6.101	P. Dĩ An, TX Dĩ An	106.75598	10.90476	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	24/03/2009	Không
6.102	P. An Bình, TX Dĩ An	106.75844	10.89282	A2a	15	*16*	*0*	*KDC*	*K*	09/02/2010	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
6.103	P. Bình Thắng, TX Dĩ An	106.81185	10.89840	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	07/07/2017	Không
6.104	P. An Bình, TX Dĩ An	106.75810	10.88280	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
6.105	P. An Bình, TX Dĩ An	106.75647	10.87654	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	08/02/2010	Không
6.106	P. Dĩ An, TX Dĩ An	106.76086	10.90562	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
6.107	P. An Bình, TX Dĩ An	106.75690	10.88804	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	21/10/2011	Không
6.108	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.74795	10.93202	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	26/10/2009	Không
6.109	P. An Bình, TX Dĩ An	106.75896	10.87851	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	08/07/2017	Không
6.110	P. An Bình, TX Dĩ An	106.75300	10.88279	A2a	12	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
6.111	P. An Bình, TX Dĩ An	106.75844	10.87238	A2a	9	*16*	*0*	*KDC*	*K*	03/09/2009	Không
6.112	P. An Bình, TX Dĩ An	106.75749	10.87214	A1b	5	*60*	*0*	*KDC*	*K*	15/05/2013	Không
6.113	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An	106.74269	10.90856	A1b	5	*60*	*0*	*KDC*	*K*	25/08/2013	Không
6.114	Bưu điện Sóng Thần 1, Dĩ An	106.7488	10.87831	*A2b*	30	*0*	*150*	*DC2*	*C*	10/05/2017	2019
7	***Thị xã Thuận An***										
7.1	14/1Đồng An, Bình Hòa, Thuận An	106.7396	10.908	*A2a*	15	*14.5*	*0*	*KDC*	*K*	22/12/2009	Không
7.2	216/1 ấp Tây, Vĩnh Phú, Thuận An	106.7016	10.88028	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	22/12/2009	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
7.3	2/15 ĐT 743 Bình Đức, Bình Hòa, Thuận An	106.7267	10.9054	*A2a*	18	*8*	*0*	*DC2*	*C*	30/11/2005	Không
7.4	Tổ 9 –kp 4 –An Sơn – Thuận An	106.6724	10.93724	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	Không
7.5	KP Hòa Lân –TT.Lái Thiêu – Thuận An	106.7035	10.89004	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2008	2018
7.6	1/23 ấp Bình Đức, Bình Hòa Thuận An	106.7151	10.90261	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.7	xã Bình Chuẩn, Thuận An	106.71	10.98505	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.8	117/2, ấp 1B, xã An Phú, h.Thuận An	106.7358	10.95701	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.9	15/3 KP Thạnh Lợi TT An Thạnh Thuận An BD	106.6806	10.95155	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
7.10	Ấp Bình Thuận, Bình Nhâm, Thuận An	106.683	10.92798	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
7.11	275 A Ấp Bình Hòa- Bình Nhâm- Thuận An	106.7015	10.93034	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
7.12	Lô 64 A Lữ Đoàn 434, Bình Hòa, Thuận An. BD	106.7332	10.917	*A2a*	18	*10*	*0*	*KDC*	*K*	08/10/2009	Không
7.13	Lô DC9-12 Khu Tái Định Cư An Thạnh, Thuận An.	106.6907	10.95622	*A2a*	15	*11*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
7.14	53/1 Bình Giao, Thuận Giao, Thuận An	106.71	10.93344	*A2a*	18	*12*	*0*	*DC1*	*C*	01/01/2012	Không
7.15	KP. Nguyễn Trãi, TT. Lái Thiêu, huyện Thuận An, BD	106.7065	10.89553	*A2b*	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	09/12/2015	2019
7.16	ĐT743, Ấp 1, An Phú , Thuận AN	106.7427	10.96362	*A2a*	18	*12*	*0*	*DC2*	*C*	01/01/2012	Không
7.17	2/43 Ấp Bình Thuận - Xã Thuận Giao - Thuận An	106.7091	10.97276	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	2018

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
7.18	16/16 Ấp Bình Phước A- Xã Bình Chuẩn - Thuận An	106.7253	10.97744	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.19	Bình Chiểu, Thủ Đức, HCM	106.7255	10.89025	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.20	Ấp 4, Xã An Phú, Thuận An	106.737	10.94797	*A2a*	15	*9*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
7.21	93/5 Ấp 4, Xã An Phú - Thuận An .	106.7261	10.94534	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2009	2018
7.22	Cao đẳng nghề Vietnam Singapore	106.7087	10.94909	*A2a*	15	*10*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
7.23	504 KP Nguyễn Trãi, TT Lái Thiêu	106.706	10.90189	*A2a*	18	*8.5*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
7.24	43/27, Ấp Bình Phước B, Bình Chuẩn, Thuận An, Bình Dương	106.7378	10.97246	*A2a*	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
7.25	Tổ 11, Ấp 3, KDC An Phú	106.7467	10.93996	*A2a*	18	*9*	*0*	*KDC*	*K*	04/05/2017	Không
7.26	Lữ Đoàn Pháo Binh 434, Quân Đoàn 4, Xã An Phú	106.7409	10.91801	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	24/12/2009	2019
7.27	6/24A Bình Quới A , Xã Bình Chuẩn	106.7082	10.99168	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	2018
7.28	SN 48/5A Đường N1, KDC Bình Đáng, Bình Hòa, T/An	106.7315	10.92089	*A2a*	18	*9*	*0*	*KDC*	*K*	10/01/2010	Không
7.29	10/15 ấp bình phước B bình chuẩn	106.7433	10.96972	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	04/02/2010	2018
7.30	1/98B, ấp Hòa Lân 2, xã Thuận Giao, Huyện Thuận An	106.722	10.9492	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	29/11/2016	2018
7.31	391, Ấp Hưng Lộc, Xã Hưng Định, Thuận An, BDG	106.7032	10.94337	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
7.32	3/1 ấp Bình Phước A, xã bình chuẩn, thuận an, .	106.718	10.974	*A2b*	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	13/01/2017	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
7.33	21 Tổ 1, ấp đông ba, xã Bình Hòa, Thuận An	106.7147	10.89436	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.34	4/71 tổ 9 Ấp hòa Lan 1, Xã Thuận Giao	106.7023	10.95692	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	27/07/2017	2018
7.35	7/2,ấp bình phước, xã bình chuẩn, huyện Thuận An, . 06503710863	106.7367	10.98011	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/05/2017	2018
7.36	34/22 ấp bình phước B, bình chuẩn, Thuận An, . 06503929360	106.7295	10.9683	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/05/2017	2018
7.37	Ấp 2, An Phú, Thuận An,	106.7414	10.93944	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	02/06/2016	2018
7.38	Cty Đại Phúc, kp 4, p.An Phú, tx.Thuận An,	106.7315	10.95307	*A2a*	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	10/05/2017	Không
7.39	Ấp Bình Thuận, Xã Thuận Giao, Huyện Thuận An, Tỉnh	106.721	10.97	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	04/08/2015	2018
7.40	KCN Đồng An, Thuận An,	106.734	10.898	*A2b*	42	*0*	*30*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
7.41	Hòa Long, Vĩnh Phú, Thuận An, .	106.6926	10.88217	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	22/12/2009	2019
7.42	tổ 10, KP. Bình Đức 1, TT Lái Thiêu, TX. Thuận An	106.6973	10.91019	*A2a*	18	*9*	*0*	*KDC*	*K*	10/05/2016	Không
7.43	Bình Hòa, Lái Thiêu,	106.7109	10.92568	*A2a*	18	*15*	*0*	*KDC*	*K*	27/06/2014	Không
7.44	Lữ đoàn 434- Quân đoàn 4	106.7408	10.92413	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	26/08/2014	2019
7.45	Đường N2,KSX, Bình Chuẩn, TX Thuận An,	106.711	10.9812	*A2a*	18	*8*	*0*	*KDC*	*K*	19/11/2014	Không
7.46	KDC Việt- Sing, Bình Hòa, Thuận An,	106.7179	10.9401	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	24/04/2015	Không
7.47	Ấp ĐôngAn, xã Bình Hòa , huyện Thuận An,	106.7323	10.89213	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/05/2017	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
7.48	KCN Đồng An 1, p.Bình Hòa, tx.Thuận An, G	106.7277	10.89465	*A2c*	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	10/05/2017	Không
7.49	KP Hòa Long, P. Vĩnh Phúc, TX Thuận An, BD	106.6929	10.8874	*A2b*	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	18/09/2015	2019
7.50	Tổ 3, KP. Thạnh Lộc, P.An Thạnh, Thuân An	106.6731	10.95331	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	19/11/2014	2019
7.51	Bình Phước A, Bình Chuẩn, Thuận An,	106.7253	10.97307	*A2b*	30	*0*	*150*	*DC2*	*C*	26/11/2014	2019
7.52	Khu phố Thạnh Bình, Thuận An,	106.6928	10.95293	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/11/2014	2019
7.53	24/17 xã Bình Phú, Bình Chuẩn, Thuận An, BDG	106.7166	10.97958	*A2b*	20	*0*	*150*	*DC2*	*C*	04/03/2013	Không
7.54	Vĩnh Phú_Thuận An_5/1 ấp Tây, xã Vĩnh Phú, Thuận An,	106.6988	10.88222	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	26/11/2013	2019
7.55	11/5C, ấp Bình Đáng, xã Bình Hòa, Thuận An, BDG	106.7306	10.91837	*A2a*	27	*14*	*0*	*DC2*	*C*	10/05/2017	Không
7.56	68 DT745, Khu phố Chợ, Lái Thiêu, Thuận An, BDG	106.7016	10.90272	*A2a*	21	*12*	*0*	*KDC*	*K*	22/01/2016	Không
7.57	18/8 KP Đông Nhì, Lái Thiêu, Thuận An, BDG	106.7069	10.90715	*A2b*	39	*0*	*150*	*DC2*	*C*	04/02/2016	2019
7.58	101/1C ấp Hòa Lân 2, Thuận Giao, Thuận An, BDG	106.7069	10.95317	*A2c*	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	08/07/2017	Không
7.59	P. Thuận Giao	106.6987	10.96196	*A2b*	20	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/08/2010	Không
7.60	TT An Thạnh, Thuận An, BDG	106.6752	10.94374	*A2b*	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	27/03/2009	2019
7.61	26/3 Đại lộ , xã Thuận Giao, huyện Thuận An, Thuận An, BDG	106.7079	10.94319	*A2a*	18	*24*	*0*	*DC2*	*C*	23/07/2013	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
7.62	Lái Thiếu_Thuận An_Đường DT745 , TT Viễn thông Thuận An - Lái Thiêu, Lái Thiếu, Thuận An	106.7	10.90527	*A2b*	45	*0*	*30*	*DC2*	*C*	22/01/2016	2019
7.63	Bình Chuẩn_Thuận An_BDG	106.7035	10.98931	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	29/07/2013	2019
7.64	ẤP Bình Thuận, Xã Thuân Giao, huyện Thuận An, tỉnh	106.7109	10.96745	*A2a*	18	*8*	*0*	*DC2*	*C*	01/09/2014	Không
7.65	Long Thời, Lái Thiêu, Thuận An,	106.697	10.89968	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	14/12/2015	2019
7.66	Thuận An, P. An Phú, TX Thuận An	106.7431	10.94991	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/09/2015	2018
7.67	KDC VSIP, p.An Phú, Thuận An - BD	106.7335	10.9429	*A2a*	18	*10*	*0*	*KDC*	*K*	06/07/2015	Không
7.68	P. An Thạnh, TX Thuận An	106.69208	10.94372	A2b	48	*0*	*30*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
7.69	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.73676	10.92132	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	22/12/2009	2019
7.70	P. Vĩnh Phú, TX Thuận An	106.70528	10.87078	A2b	42	*0*	*30*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
7.71	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.72453	10.93811	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
7.72	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.72673	10.89940	A2b	42	*0*	*30*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
7.73	An Sơn, TX Thuận An	106.66959	10.92574	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	11/05/2016	Không
7.74	An Sơn, TX Thuận An	106.65867	10.93115	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2007	Không
7.75	P. Vĩnh Phú, TX Thuận An	106.71472	10.87053	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
7.76	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.73679	10.92422	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/07/2017	2019
7.77	P. Thuận Giao, TX Thuận An	106.70791	10.93830	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
7.78	P. An Thạnh, TX Thuận An	106.69651	10.94666	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	20/12/2015	2019
7.79	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.73515	10.91142	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	28/06/2016	2019
7.80	P. Bình Chuẩn, TX Thuận An	106.74603	10.97363	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/05/2017	2019
7.81	P. An Phú, TX Thuận An	106.74332	10.94439	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	20/11/2015	2019
7.82	P. Vĩnh Phú, TX Thuận An	106.70393	10.87643	A2b	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	31/10/2016	2019
7.83	P. Thuận Giao, TX Thuận An	106.72251	10.98044	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	14/12/2013	2018
7.84	P. Lái Thiêu, TX Thuận An	106.69883	10.89583	A2b	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
7.85	P. Bình Chuẩn, TX Thuận An	106.72511	10.98451	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	2018
7.86	P. An Phú, TX Thuận An	106.72681	10.95611	A2a	36	*12*	*16*	*DC2*	*C*	03/11/2014	Không
7.87	P. Vĩnh Phú, TX Thuận An	106.69867	10.87283	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	28/06/2016	2019
7.88	An Sơn, TX Thuận An	106.66156	10.93983	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/11/2014	Không
7.89	An Sơn, TX Thuận An	106.67506	10.92893	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	04/08/2015	Không
7.90	P. Thuận Giao, TX Thuận An	106.72000	10.95350	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/12/2014	2018

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
7.91	P. Vĩnh Phú, TX Thuận An	106.70391	10.88544	A2c	36	*0*	*12*	*KDC*	*K*	01/08/2010	Không
7.92	P. Bình Chuẩn, TX Thuận An	106.73118	10.97550	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/07/2017	2019
7.93	P. Thuận Giao, TX Thuận An	106.71200	10.95200	A2c	36	*0*	*12*	*KDC*	*K*	20/05/2016	Không
7.94	Bình Nhâm, TX Thuận An	106.68821	10.92022	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	22/01/2016	2019
7.95	P. An Thạnh, TX Thuận An	106.68750	10.95183	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	29/08/2016	2019
7.96	P. An Phú, TX Thuận An	106.74839	10.96161	A2b	33	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	2018
7.97	P. An Thạnh, TX Thuận An	106.69872	10.95234	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	12/01/2009	2019
7.98	P. Lái Thiêu, TX Thuận An	106.71193	10.92080	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	04/05/2017	2018
7.99	P. An Phú, TX Thuận An	106.72833	10.94972	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	2018
7.100	Bình Nhâm, TX Thuận An	106.69269	10.92645	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
7.101	P. Thuận Giao, TX Thuận An	106.70829	10.95951	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.102	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.73550	10.88904	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	22/12/2009	2018
7.103	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.72820	10.88578	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	Không
7.104	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.73447	10.90334	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.105	P. Bình Chuẩn, TX Thuận An	106.73216	10.98043	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
7.106	Bình Nhâm, TX Thuận An	106.69426	10.91486	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
7.107	P. Thuận Giao, TX Thuận An	106.72392	10.96446	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.108	P. Lái Thiêu, TX Thuận An	106.69876	10.93819	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.109	Bình Nhâm, TX Thuận An	106.70111	10.91774	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
7.110	P. Thuận Giao, TX Thuận An	106.71190	10.96140	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.111	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.72970	10.90609	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/09/2012	Không
7.112	P. Lái Thiêu, TX Thuận An	106.71025	10.91119	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.113	P. An Phú, TX Thuận An	106.73823	10.94196	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	13/01/2017	2018
7.114	P. An Thạnh, TX Thuận An	106.68542	10.94471	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.115	Hưng Định, TX Thuận An	106.68674	10.93359	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.116	P. Bình Chuẩn, TX Thuận An	106.72100	10.98506	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2018
7.117	P. Vĩnh Phú, TX Thuận An	106.70087	10.88598	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	22/12/2009	2019
7.118	P. Bình Chuẩn, TX Thuận An	106.71533	10.98865	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/05/2017	2018
7.119	P. An Phú, TX Thuận An	106.75090	10.93608	A2c	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	03/07/2017	Không
7.120	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.72527	10.91151	A2c	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	23/01/2017	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
7.121	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.72710	10.93253	A2c	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	24/04/2015	Không
7.122	P. An Thạnh, TX Thuận An	106.69427	10.95960	A2c	22	*0*	*12*	*DC2*	*C*	23/01/2017	Không
7.123	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.72987	10.90291	A2a	21	*12*	*0*	*KDC*	*K*	10/05/2017	Không
7.124	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.73455	10.91919	A2a	21	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
7.125	P. An Phú, TX Thuận An	106.74271	10.95535	A2a	21	*12*	*0*	*KDC*	*K*	29/09/2014	Không
7.126	P. An Thạnh, TX Thuận An	106.69624	10.95501	A2a	21	*8*	*0*	*DC2*	*C*	30/12/2016	Không
7.127	KCN VSIP, TX Thuận An	106.73314	10.93533	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	04/07/2013	Không
7.128	KCN VSIP, TX Thuận An	106.72839	10.92761	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	04/02/2014	Không
7.129	KCN VSIP, TX Thuận An	106.72057	10.92789	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	22/02/2014	Không
7.130	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.71758	10.93527	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	14/12/2014	Không
7.131	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.71675	10.93081	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	10/07/2017	Không
7.132	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.72405	10.92520	A2c	20	*0*	*12*	*DC2*	*C*	28/04/2016	Không
7.133	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.72195	10.93292	A2c	20	*0*	*12*	*DC2*	*C*	10/05/2017	Không
7.134	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.73303	10.93102	A2c	20	*0*	*12*	*DC2*	*C*	10/05/2017	Không
7.135	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.71247	10.93815	A2c	20	*0*	*12*	*DC2*	*C*	10/05/2017	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
7.136	P. Bình Chuẩn, TX Thuận An	106.73912	10.95112	A2c	18	*0*	*12*	*KDC*	*K*	31/07/2016	Không
7.137	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.70909	10.92130	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	16/07/2010	Không
7.138	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.73480	10.92615	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
7.139	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.71927	10.92416	A2a	18	*12*	*0*	*DC2*	*C*	01/01/2012	Không
7.140	P. Thuận Giao, TX Thuận An	106.71620	10.94933	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
7.141	P. An Phú, TX Thuận An	106.70235	10.91126	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	04/02/2016	Không
7.142	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.72282	10.89330	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	10/05/2017	Không
7.143	P. An Phú, TX Thuận An	106.73277	10.94719	A2a	18	*12*	*0*	*DC2*	*C*	01/03/2017	Không
7.144	P. Thuận Giao, TX Thuận An	106.71998	10.94503	A2a	18	*8*	*0*	*KDC*	*K*	31/07/2017	Không
7.145	P. An Phú, TX Thuận An	106.73399	10.94002	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	11/07/2017	Không
7.146	P. An Phú, TX Thuận An	106.72809	10.94199	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	25/06/2013	Không
7.147	P. An Phú, TX Thuận An	106.72987	10.96281	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	19/12/2015	Không
7.148	P. Thuận Giao, TX Thuận An	106.71970	10.96471	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/04/2015	Không
7.149	P. Thuận Giao, TX Thuận An	106.71564	10.96812	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	30/11/2004	Không
7.150	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.72765	10.91906	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
7.151	P. An Phú, TX Thuận An	106.74419	10.93511	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
7.152	P. Lái Thiêu, TX Thuận An	106.70807	10.91585	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
7.153	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.71675	10.96117	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
7.154	P. Thuận Giao, TX Thuận An	106.71502	10.95677	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	30/11/2005	Không
7.155	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.72977	10.89064	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	04/05/2017	Không
7.156	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.73690	10.89501	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
7.157	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.73421	10.90657	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	08/12/2010	Không
7.158	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.71742	10.90826	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	10/05/2016	Không
7.159	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.72882	10.91482	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2009	Không
7.160	P. Thuận Giao, TX Thuận An	106.71388	10.94394	A2a	15	*10*	*0*	*KDC*	*K*	10/05/2017	Không
7.161	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.71980	10.89825	A2a	15	*12*	*0*	*KDC*	*K*	06/12/2016	Không
7.162	P. An Phú, TX Thuận An	106.73649	10.96654	A2a	12	*12*	*0*	*DC2*	*C*	01/01/2012	Không
7.163	P. Lái Thiêu, TX Thuận An	106.71085	10.90503	A2a	12	*16*	*0*	*KDC*	*K*	04/02/2016	Không
7.164	P. Lái Thiêu, TX Thuận An	106.70093	10.90667	A2a	9	*16*	*0*	*KDC*	*K*	25/01/2009	Không
7.165	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.73972	10.89877	A2a	9	*20*	*0*	*KDC*	*K*	19/07/2008	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
7.166	Hưng Định, TX Thuận An	106.70296	10.94644	A1a	6	*60*	*0*	*KDC*	*K*	15/09/2013	Không
7.167	P. Thuận Giao, TX Thuận An	106.71161	10.93334	A1b	5	*60*	*0*	*KDC*	*K*	20/10/2014	Không
7.168	P. Vĩnh Phú, TX Thuận An	106.71485	10.86797	A1b	5	*60*	*0*	*KDC*	*K*	22/10/2010	Không
7.169	P. Bình Hòa, TX Thuận An	106.71266	10.93267	A1b	3	*60*	*0*	*KDC*	*K*	24/04/2015	Không
8	**Thị xã Tân Uyên**										
8.1	Ấp 3A –Xã Khánh Bình –Tân Uyên	106.7758	11.01777	*A2b*	45	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/12/2011	2019
8.2	321, tổ 5, Kp Khánh Lộc, TT Tân Phước Khánh, Tân Uyên	106.7432	11.00365	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	2019
8.3	Ấp 4 –Xã Vĩnh Tân –Tân Uyên	106.7079	11.11426	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/07/2013	Không
8.4	Ấp Tân Ba- Xã Thái Hòa –Tân Uyên	106.7767	10.97252	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	2019
8.5	KP3 –TT Uyên Hưng –Tân Uyên	106.7928	11.0593	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2004	2019
8.6	Tổ3 KPKhánhLong,TTTân Phước Khánh,Tân Uyên	106.7431	10.9787	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	04/05/2017	2019
8.7	Tổ 3,Khu Phố Khánh Hội TT Tân Phước Khánh Tân Uyên BD	106.7226	10.9917	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.8	Khu 9 Ấp Long Hội, xã Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên	106.7215	11.03995	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2009	2019
8.9	Tân Hiệp Huyện Tân Uyên	106.7283	11.06587	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.10	Bưu Điện Phú Chánh, Phú Chánh, Huyện Tân Uyên BD	106.6907	11.0756	*A2b*	42	*0*	*30*	*DC2*	*C*	20/07/2017	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
8.11	Ấp Tân Mỹ, Thái Hòa, Tân Uyên	106.7624	10.96884	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.12	Ấp Tân An, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên	106.7101	11.01789	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	21/03/2009	2019
8.13	Ấp Hóa Nhựt - Tân Vĩnh Hiệp - Tân Uyên	106.7293	11.02578	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.14	Ấp 3, Xã Vĩnh Tân - Tân Uyên	106.7252	11.08637	*A2b*	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	14/03/2009	Không
8.15	Ấp Tân Hiệp, Phú Chánh, Tân Uyên	106.7158	11.0587	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	22/12/2008	2019
8.16	Khu phố 3, TT Uyên Hưng, Tân Uyên	106.7754	11.05853	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.17	181 Tổ 3 KP Khánh Lộc, TTTPK - Tân Uyên	106.7375	11.0115	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.18	133 - Cây Da - Thạnh Phước - Tân Uyên	106.7673	10.99606	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.19	Ấp 3, Xã Khánh Bình, Tân Uyên	106.7782	11.04213	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.20	KP4- Uyên Hưng- Tân Uyên	106.7814	11.07022	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.21	Ấp 5, Xã Vĩnh Tân - Tân Uyên	106.7028	11.09387	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	14/01/2009	Không
8.22	Vĩnh Phước, Thái Hòa, Tân Uyên	106.7585	10.98492	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.23	1/5 Tổ 5, Kp .Khánh Hội - Tân Uyên	106.7314	11.00035	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.24	162 Ấp Điều Hòa - Bạch Đằng - Tân Uyên	106.8017	11.04488	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/03/2009	Không
8.25	18/1 Tổ 1,KP Khánh Hội,Tân Phước Khánh,Tân Uyên	106.7223	11.00425	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
8.26	Ấp 2, Thạnh Phước, Tân Uyên	106.7693	10.98753	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.27	UNND Xã Thạnh Hội	106.7822	10.98169	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC1*	*C*	30/03/2009	Không
8.28	Xã Tân Phước Khánh Tân Uyên,	106.744	10.991	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.29	Khu Phố mỹ Hiệp, TT. Thái Hòa	106.7535	10.9681	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.30	Gần cầu khánh vân, xã khánh bình, Tân Uyên	106.7487	11.02079	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
8.31	Chợ Quang Vinh, ấp 1, Xã Hội Nghĩa, Tân Uyên	106.771	11.096	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	Không
8.32	KCN Nam Tân Uyên, Tân Uyên, BD	106.761	11.0675	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
8.33	Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên,	106.719	11.02629	*A2b*	42	*0*	*30*	*DC2*	*C*	04/10/2013	2019
8.34	Khu phố 7, TT Uyên Hưng, Tân Uyên,	106.7799	11.08036	*A2a*	24	*13*	*0*	*DC2*	*C*	01/01/2012	Không
8.35	Tân Phước Khánh, Tân Uyên,	106.7326	10.98918	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	31/08/2016	2019
8.36	Xã Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên	106.7184	11.01123	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/11/2014	2019
8.37	Tổ 15 Kp.Khánh Hòa, Tân Phước Khánh, Tân Uyên,	106.7163	10.99522	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	03/07/2017	2019
8.38	tổ 1, KP. Phước Thái, P.Thái Hòa, TX Tân Uyên	106.7487	11.0092	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/01/2017	2019
8.39	Khánh Bình, Tân Uyên,	106.7402	11.04887	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/10/2010	2019
8.40	Long Bình, Khánh Bình, Tân Uyên,	106.7557	11.06868	*A2b*	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/05/2017	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
8.41	Khu 6, Ấp Hóa Nhựt, Tân Vĩnh Hiệp	106.7196	11.0194	*A2b*	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/12/2014	2019
8.42	Ấp Khánh Bình, Khánh Bình, Tân Uyên,	106.7644	11.04043	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	14/06/2012	2019
8.43	đường D1B, KCN VSIP 2_ex, xã Vĩnh Tân, h.Tân Uyên, BDG	106.6888	11.13911	*A2b*	41	*0*	*150*	*DC2*	*C*	14/06/2012	Không
8.44	Mobifone (cột 42m), KDC Vĩnh Tân, xã Vĩnh Tân, tx.Tân Uyên, BDG	106.7063	11.13703	*A2b*	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	31/08/2016	Không
8.45	TT uyên Hưng_Tân Uyên_Công an huyện tân uyên, TT uyên Hưng, Tân Uyên	106.792	11.07131	*A2b*	42	*0*	*30*	*KDC*	*C*	21/03/2009	2019
8.46	KP Cây Chàm, P.Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Khánh Bình, Tân Uyên	106.7693	11.00877	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/05/2015	2019
8.47	Uyên Hưng, Tân Uyên	106.80416	11.07554	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/01/2009	2019
8.48	Thái Hòa, Tân Uyên	106.75688	10.97494	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	04/05/2017	2019
8.49	Hội Nghĩa, Tân Uyên	106.76457	11.10086	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	Không
8.50	Tân Hiệp, Tân Uyên	106.74599	11.07426	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.51	Hội Nghĩa, Tân Uyên	106.75897	11.10597	A2b	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	Không
8.52	Tân Hiệp, Tân Uyên	106.73378	11.04441	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.53	Tân Hiệp, Tân Uyên	106.73508	11.07286	A2b	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	10/05/2017	Không
8.54	Tân Hiệp, Tân Uyên	106.74293	11.08406	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	23/04/2016	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
8.55	Phú Chánh, Tân Uyên	106.69969	11.06371	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	20/06/2016	Không
8.56	Vĩnh Tân, Tân Uyên	106.72343	11.12740	A2b	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	29/12/2010	Không
8.57	Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên	106.70857	11.02362	A2b	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	22/08/2015	2019
8.58	Tân Phước Khánh, Tân Uyên	106.73110	11.00826	A2b	45	*0*	*150*	*DC2*	*C*	17/12/2015	2019
8.59	Khánh Bình, Tân Uyên	106.76384	11.05054	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	20/07/2017	2019
8.60	Hội Nghĩa, Tân Uyên	106.75333	11.11356	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	Không
8.61	Bạch Đằng, Tân Uyên	106.79374	11.02678	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	26/04/2014	Không
8.62	Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên	106.75250	11.05653	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	15/06/2013	Không
8.63	Khánh Bình, Tân Uyên	106.74879	11.03433	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.64	Uyên Hưng, Tân Uyên	106.77493	11.07116	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	05/05/2016	2019
8.65	Uyên Hưng, Tân Uyên	106.80527	11.06425	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019
8.66	Bạch Đằng, Tân Uyên	106.78241	11.05238	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	27/08/2015	Không
8.67	Thái Hòa, Tân Uyên	106.75384	10.99599	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/04/2011	2019
8.68	Bạch Đằng, Tân Uyên	106.78355	11.03438	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/11/2014	Không
8.69	Bạch Đằng, Tân Uyên	106.80592	11.03243	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/12/2014	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
8.70	Khánh Bình, Tân Uyên	106.74475	11.06161	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/01/2012	2019
8.71	Khánh Bình, Tân Uyên	106.77561	11.02895	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	17/12/2015	2019
8.72	Phú Chánh, Tân Uyên	106.69837	11.07160	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/05/2017	Không
8.73	KCN Nam Tân Uyên, Tân Uyên	106.76334	11.07652	A2b	42	*0*	*30*	*KDC*	*C*	20/05/2016	2019
8.74	Uyên Hưng, Tân Uyên	106.75012	10.99081	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/09/2016	2019
8.75	Uyên Hưng, Tân Uyên	106.80735	11.08535	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/07/2017	2019
8.76	Phú Chánh, Tân Uyên	106.70019	11.08228	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	20/07/2017	Không
8.77	Vĩnh Tân, Tân Uyên	106.72176	11.09767	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/06/2017	Không
8.78	Phú Chánh, Tân Uyên	106.70741	11.06055	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/08/2017	Không
8.79	Vĩnh Tân, Tân Uyên	106.70571	11.12712	A2c	39	*0*	*12*	*KDC*	*K*	01/06/2017	Không
8.80	Thạnh Phước, Tân Uyên	106.76450	11.02026	A2b	39	*0*	*150*	*DC2*	*C*	31/05/2017	2019
8.81	Thái Hòa, Tân Uyên	106.75886	10.97944	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/10/2011	2019
8.82	Tân Phước Khánh, Tân Uyên	106.71361	11.00277	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2004	2019
8.83	Tân Hiệp, Tân Uyên	106.75154	11.06314	A2b	36	*0*	*30*	*KDC*	*C*	29/09/2016	2019
8.84	Tân Hiệp, Tân Uyên	106.72457	11.05168	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
8.85	Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên	106.70944	11.01010	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/08/2015	2019
8.86	Tân Phước Khánh, Tân Uyên	106.72385	10.99805	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/04/2015	2019
8.87	Khánh Bình, Tân Uyên	106.75478	11.02542	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/01/2015	2019
8.88	Uyên Hưng, Tân Uyên	106.78960	11.07923	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	29/09/2016	2019
8.89	Uyên Hưng, Tân Uyên	106.81060	11.07114	A2b	36	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/10/2016	2019
8.90	Tân Phước Khánh, Tân Uyên	106.72977	10.99483	A2c	36	*0*	*30*	*KDC*	*K*	02/06/2017	Không
8.91	KCN Nam Tân Uyên, Tân Uyên	106.75460	11.03563	A2c	36	*0*	*12*	*DC2*	*C*	25/10/2016	Không
8.92	Hội Nghĩa, Tân Uyên	106.76264	11.09126	A2c	36	*0*	*12*	*DC2*	*C*	19/07/2017	Không
8.93	Tân Hiệp, Tân Uyên	106.75800	11.08205	A2b	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/07/2017	2019
8.94	Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên	106.71247	11.02942	A2c	36	*0*	*12*	*KDC*	*K*	29/11/2016	Không
8.95	Tân Hiệp, Tân Uyên	106.73228	11.05546	A2b	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	22/06/2017	2019
8.96	Tân Hiệp, Tân Uyên	106.71511	11.04037	A2c	36	*0*	*12*	*DC2*	*C*	11/07/2017	Không
8.97	Khánh Bình, Tân Uyên	106.74361	11.02878	A2b	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	02/08/2017	2019
8.98	Bạch Đằng, Tân Uyên	106.79109	11.04768	A2b	36	*0*	*150*	*DC2*	*C*	01/08/2017	Không
8.99	Thái Hòa, Tân Uyên	106.74986	10.97779	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	2019

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
8.100	Thái Hòa, Tân Uyên	106.74690	10.98700	A2b	30	*0*	*150*	*KDC*	*C*	10/05/2017	2019
8.101	Uyên Hưng, Tân Uyên	106.77876	11.09456	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	23/01/2017	Không
8.102	Hội Nghĩa, Tân Uyên	106.78593	11.10075	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	23/01/2017	Không
8.103	Hội Nghĩa, Tân Uyên	106.77921	11.10070	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	10/05/2017	Không
8.104	Khánh Bình, Tân Uyên	106.76278	11.05805	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	30/12/2016	Không
8.105	Khánh Bình, Tân Uyên	106.74476	11.05397	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	06/06/2017	Không
8.106	Uyên Hưng, Tân Uyên	106.78617	11.09580	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	23/01/2017	Không
8.107	Khánh Bình, Tân Uyên	106.77195	11.05327	A2c	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	10/05/2017	Không
8.108	KCN Nam Tân Uyên, Tân Uyên	106.74228	11.04077	A2c	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	29/11/2016	Không
8.109	Uyên Hưng, Tân Uyên	106.78470	11.08889	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	03/04/2017	Không
8.110	Tân Vĩnh Hiệp, Tân Uyên	106.72387	11.01706	A2c	30	*0*	*12*	*KDC*	*K*	29/11/2016	Không
8.111	KCN Nam Tân Uyên, Tân Uyên	106.77519	11.08669	A2c	30	*0*	*12*	*DC2*	*C*	07/07/2017	Không
8.112	Thái Hòa, Tân Uyên	106.75278	10.97531	A2c	20	*0*	*12*	*KDC*	*K*	19/11/2014	Không
8.113	Khánh Bình, Tân Uyên	106.75091	11.04844	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
8.114	Thái Hòa, Tân Uyên	106.76547	10.97614	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
8.115	Tân Hiệp, Tân Uyên	106.76766	11.08405	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/01/2012	Không
8.116	Thái Hòa, Tân Uyên	106.73651	10.99186	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	17/12/2015	Không
8.117	KCN Nam Tân Uyên, Tân Uyên	106.75146	11.04250	A2a	18	*12*	*0*	*KDC*	*K*	01/10/2010	Không
8.118	Tổ 1, Ấp 1 Khánh Bình Bắc Tân Uyên	106.7623	11.03117	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/08/2013	Không
9	**Huyện Bắc Tân Uyên**										
9.1	54 Ấp 3, Tân Bình, Bắc Tân Uyên	106.7254	11.18642	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2004	Không
9.2	49 ấp 3, Lạc An, Bắc Tân Uyên	106.9256	11.06057	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2005	Không
9.3	Ấp 2 –Xã Tân Định –Bắc Tân Uyên	106.8669	11.1769	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	Không
9.4	Xã Bình Mỹ -Bắc Tân Uyên	106.7418	11.15835	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	25/05/2017	Không
9.5	Tổ 11 Ấp 3, Xã Thường Tân,Bắc Tân Uyên	106.8664	11.02697	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	Không
9.6	Ấp 3, xã Bình Mỹ, h.Bắc Tân Uyên	106.7429	11.12918	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	29/06/2008	Không
9.7	Ấp 1 Tân Bình, Bắc Tân Uyên	106.6955	11.18161	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	29/07/2008	Không
9.8	867 Tổ 22, Ấp 2, Tân Định, Bắc Tân Uyên	106.8965	11.23632	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/08/2008	Không
9.9	Ấp 5 - Bình Mỹ- Bắc Tân Uyên	106.7136	11.14659	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	14/09/2008	Không
9.10	Tổ 2 Ấp Giáp Lạc - Xã Tân Mỹ - Bắc Tân Uyên	106.9021	11.08509	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	17/03/2009	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
9.11	Ấp 5, Tân Lập, Bắc Tân Uyên	106.7884	11.14075	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/10/2008	Không
9.12	Ấp Suối Voi, Đất Quốc, Bắc Tân Uyên	106.8872	11.13812	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	26/02/2009	Không
9.13	UNND Xã Hiếu Liêm	106.9442	11.12595	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/06/2009	Không
9.14	186, Tổ 6, ấp 2, xã tân mỹ, Bắc Tân Uyên,	106.8529	11.05716	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	14/12/2010	Không
9.15	Ấp 4, Xã Tân Định ,Bắc Tân Uyên	106.8554	11.19645	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	14/12/2010	Không
9.16	Tân Định ,Bắc Tân Uyên	106.9154	11.18909	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/01/2012	Không
9.17	Tân Bình, Bắc Tân Uyên, BD	106.7187	11.16468	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	29/11/2011	Không
9.18	Ấp cây rừng, Hiếu liêm, Bắc Tân Uyên	106.9176	11.15973	*A2b*	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	24/04/2015	Không
9.19	ấp 1, xã Tân Định, h.Bắc Tân Uyên, BDG	106.819	11.1763	*A2b*	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/09/2014	Không
9.20	Hiếu Liêm, Bắc Tân Uyên	106.93834	11.14559	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	09/03/2012	Không
9.21	Tân Lập, Bắc Tân Uyên	106.81909	11.14707	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	16/01/2014	Không
9.22	Thường Tân, Bắc Tân Uyên	106.85222	11.04069	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/05/2015	Không
9.23	Đất Cuốc, Bắc Tân Uyên	106.83606	11.10270	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/11/2006	Không
9.24	Tân Định, Bắc Tân Uyên	106.90157	11.16880	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	19/03/2009	Không
9.25	Đất Cuốc, Bắc Tân Uyên	106.86043	11.11398	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	31/12/2010	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
9.26	Tân Thành, Bắc Tân Uyên	106.77036	11.12971	A2b	48	*0*	*150*	*DC2*	*C*	27/10/2014	Không
9.27	Tân Thành, Bắc Tân Uyên	106.83308	11.14798	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	15/01/2015	Không
9.28	Tân Mỹ, Bắc Tân Uyên	106.82298	11.06787	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/05/2015	Không
9.29	Tân Định, Bắc Tân Uyên	106.84700	11.16720	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	20/08/2015	Không
9.30	Bình Mỹ, Bắc Tân Uyên	106.73789	11.17235	A2b	48	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/05/2016	Không
9.31	Tân Mỹ, Bắc Tân Uyên	106.83407	11.05783	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	08/01/2009	Không
9.32	Tân Lập, Bắc Tân Uyên	106.81364	11.15949	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	13/09/2008	Không
9.33	Hiếu Liêm, Bắc Tân Uyên	106.91033	11.03185	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/03/2009	Không
9.34	Tân Mỹ, Bắc Tân Uyên	106.82458	11.08768	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	01/06/2009	Không
9.35	Tân Thành, Bắc Tân Uyên	106.84202	11.13040	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	31/08/2016	Không
9.36	Tân Thành, Bắc Tân Uyên	106.84467	11.14385	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	30/01/2016	Không
9.37	Tân Bình, Bắc Tân Uyên	106.71090	11.18211	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/12/2016	Không
9.38	Bình Mỹ, Bắc Tân Uyên	106.74430	11.12039	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	29/09/2016	Không
9.39	Tân Thành, Bắc Tân Uyên	106.84300	11.15260	A2b	42	*0*	*150*	*KDC*	*C*	04/11/2016	Không
9.40	Đất Cuốc, Bắc Tân Uyên	106.83668	11.09232	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/08/2017	Không

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột ăng ten		Thời điểm đưa vào	Thời điểm
9.41	Tân Định, Bắc Tân Uyên	106.88282	11.17327	A2b	42	*0*	*150*	*DC2*	*C*	30/09/2017	Không
9.42	Tân Định, Bắc Tân Uyên	106.88076	11.22699	A2b	39	*0*	*150*	*KDC*	*C*	31/05/2016	Không
9.43	Đất Cuốc, Bắc Tân Uyên	106.84766	11.09867	A2a	33	*12*	*16*	*DC2*	*C*	15/10/2015	Không
9.44	Tân Mỹ, Bắc Tân Uyên	106.91270	11.10800	A2c	18	*0*	*12*	*KDC*	*K*	30/09/2017	Không

Ghi chú:

Hiện trạng sử dụng chung: Không dùng chung (KDC), dùng chung cột antenna của chính doanh nghiệp điền ký hiệu DC1, dùng chung với doanh nghiệp khác điền ký hiệu DC2, kết hợp hai hình thức sử dụng nói trên điền ký hiệu DC3.

Khả năng sử dụng chung: Còn khả năng sử dụng chung (C), không còn khả năng sử dụng chung (K).

Phụ lục 4

DANH MỤC CỘT ĂNG TEN CỦA VIETEL BÌNH DƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 04/62018 của UBND tỉnh)

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột		Thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng	Thời điểm chuyển từ dạng A2a sang A1
	Địa chỉ	Kinh độ	Vĩ độ	Loại cột	Quy mô			Hiện trạng	Khả năng dùng chung		
					Chiều cao cột	Chiều cao công trình	Diện tích đất dùng				
1	***Huyện Bàu Bàng***										
1.1	Lai Hưng, Bàu Bàng	106.642847	11.18654	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
1.2	KCN Bàu Bàng, Lai Uyên, Bàu Bàng	106.602343	11.27304	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
1.3	KCN Bàu Bàng, Lai Uyên, Bàu Bàng	106.623993	11.24096	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
1.4	Trừ Văn Thố - Bến Cát	106.605543	11.37678	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
1.5	Lai Hưng, Bàu Bàng	106.615006	11.17891	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
1.6	Lai Hưng, Bàu Bàng	106.592299	11.18757	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
1.7	KCN Bàu Bàng.	106.592384	11.25937	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
1.8	KCN Bàu Bàng.	106.584405	11.28139	*A2c*	30		*20.00*		*C*		

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột		Thời điểm	Thời điểm
1.9	KCN Bàu Bàng.	106.58998	11.27093	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.10	KCN Bàu Bàng.	106.597003	11.29153	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.11	KCN Bàu Bàng.	106.593111	11.28341	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.12	KCN Bàu Bàng.	106.586445	11.28944	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.13	KCN Bàu Bàng.	106.60648	11.22981	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.14	KCN Bàu Bàng.	106.611668	11.23937	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.15	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.638544	11.24255	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.16	Lai Uyên, Bàu Bàng	106.620924	11.24511	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2	***Thị xã Bến Cát***										
2.1	KCN Việt Hương 2, Bến Cát	106.5545	11.09656	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.2	QL13 - Tân Định - Bến Cát	106.625503	11.06987	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.3	Unnamed Road - Tân Định - Bến Cát	106.63793	11.07081	*A2b*	36		*150.00*		*C*		
2.4	ĐH607 - Tân Định - Bến Cát	106.637499	11.05634	*A2b*	36		*150.00*		*C*		
2.5	Unnamed Road - Tân Định - Bến Cát	106.624344	11.06069	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.6	NA2 - Thới Hòa - Bến Cát	106.620589	11.09645	*A2c*	30		*20.00*		*C*		

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột		Thời điểm	Thời điểm
2.7	NA2 - Thới Hòa - Bến Cát	106.60704	11.09141	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.8	ĐT748 - An Điền - Bến Cát	106.583963	11.09395	*A2b*	36		*150.00*		*C*		
2.9	Cầu - Khu đô thị Ecolakes - Thới Hòa - Bến Cát	106.610448	11.10877	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.10	DA2 - Khu đô thị Ecolakes - Thới Hòa - Bến Cát	106.602414	11.10311	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.11	Đường NE2 - Ấp 6 - Thới Hòa - Bến Cát	106.636683	11.11579	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.12	N5 - Khu đô thị Ecolakes - Thới Hòa - Bến Cát	106.602973	11.11342	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.13	NE6 - Thới Hòa - Bến Cát	106.656697	11.12359	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.14	NE4 - Chánh Phú Hòa - Bến Cát	106.650413	11.1357	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.15	NE3 - Ấp 5 - Chánh Phú Hòa - Bến Cát	106.657798	11.1404	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.16	KCN, Mỹ Phước 2, Bến Cát	106.633269	11.10752	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.17	KCN, Mỹ Phước 3, Bến Cát	106.656749	11.11436	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.18	ĐH604 - Mỹ Phước - Bến Cát	106.608456	11.15513	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.19	TC4 - Mỹ Phước - Bến Cát	106.602423	11.14934	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.20	D16 - Mỹ Phước - Bến Cát	106.599497	11.13878	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.21	Bình Dương - Mỹ Phước - Bến Cát	106.598611	11.14472	*A2c*	30		*20.00*		*C*		

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột		Thời điểm	Thời điểm
2.22	Hùng Vương - An Điền - Bến Cát	106.587202	11.148	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.23	D9 - An Tây - Bến Cát	106.541603	11.14017	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.24	Calmette Avenue - An Tây - Bến Cát	106.54543	11.10697	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.25	D9 - An Tây - Bến Cát	106.52493	11.13557	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.26	Pasteur Avenue - An Tây - Bến Cát	106.561222	11.10771	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.27	KCN Ascendas	106.553585	11.10742	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.28	KCN Ascendas	106.544617	11.11613	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.29	KCN Ascendas	106.554204	11.11622	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.30	KCN Việt Hương 2, Bến Cát	106.561615	11.09256	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.31	KCN Việt Hương 2, Bến Cát	106.544959	11.10008	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.32	KCN Việt Hương 2, Bến Cát	106.5493	11.09504	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.33	KCN Rạch Bắp	106.52999	11.13648	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.34	Tân Định, Bến Cát	106.620162	11.07838	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.35	KCN Mỹ Phước 2	106.63909	11.13602	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.36	KCN Mỹ Phước 2	106.64608	11.12786	*A2c*	30		*20.00*		*C*		

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột		Thời điểm	Thời điểm
2.37	Mỹ Phước 3, Bến Cát	106.64955	11.11294	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.38	Mỹ Phước 3, Bến Cát	106.62618	11.10978	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.39	Mỹ Phước 3, Bến Cát	106.63103	11.10044	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.40	Mỹ Phước 3, Bến Cát	106.641231	11.09763	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.41	Mỹ Phước 2, Bến Cát	106.61351	11.13311	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
2.42	An Tây, Bến Cát	106.57281	11.07198	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
3	***Huyện Phú Giáo***										
3.1	Tân Long, Phú Giáo	106.678695	11.31552	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.2	151 tổ 5 ấp 3 Tân Hiệp, Phú Giáo	106.751679	11.30643	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.3	Phước Hòa, Phú Giáo	106.762691	11.26789	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.4	Tam Lập, Phú Giáo	106.842725	11.26949	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.5	Tam Lập, Phú Giáo	106.84273	11.28042	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.6	An Bình, Phú Giáo	106.874729	11.33079	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.7	An Bình, Phú Giáo	106.8605	11.30983	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.8	Tam Lập, Phú Giáo	106.90606	11.25531	*A2b*	42		*150.00*		*C*		

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột		Thời điểm	Thời điểm
3.9	Tam Lập, Phú Giáo	106.819952	11.23746	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.10	An Linh, Phú Giáo	106.786519	11.43509	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.11	An Linh, Phú Giáo	106.76747	11.42761	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.12	An Linh, Phú Giáo	106.726958	11.41697	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.13	An Linh, Phú Giáo	106.773208	11.40242	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.14	An Linh, Phú Giáo	106.75882	11.38206	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.15	An Linh, Phú Giáo	106.739657	11.36749	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.16	Phước Sang, Phú Giáo	106.793338	11.33362	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
3.17	Phước Sang, Phú Giáo	106.791204	11.35443	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
4	***Thị xã Tân Uyên***										
4.1	Tân Phước Khánh - Tân Uyên	106.708566	10.9996	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
4.2	ĐT745 - Tân Uyên	106.743211	10.99666	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
4.3	xã Thạnh Hội, Huyện Tân Uyên	106.791156	10.97116	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
4.4	Cầu Thạnh Hội - Tân Uyên	106.773392	10.98058	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
4.5	ĐT747 - Tân Uyên	106.765885	11.00238	*A2c*	30		*20.00*		*C*		

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột		Thời điểm	Thời điểm
4.6	Unnamed Road - Tân Uyên	106.761331	11.01379	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
4.7	220 p 3a Khánh Bình Tân uyên Bình Dương	106.770856	11.02411	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
4.8	Unnamed Road - Bạch Đằng - Tân Uyên	106.796395	11.03586	*A2b*	36		*150.00*		*C*		
4.9	Unnamed Road - Khánh Bình - Tân Uyên	106.769839	11.04565	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
4.10	Unnamed Road - Uyên Hưng - Tân Uyên	106.772782	11.0809	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
4.11	Công ty TNHH Interwood Việt Nam - Uyên Hưng - Tân Uyên	106.767397	11.06758	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
4.12	N6 - Khánh Bình - Tân Uyên	106.758	11.06073	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
4.13	ĐT745 - Khánh Bình - Tân Uyên	106.757468	11.04987	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
4.14	Unnamed Road - Tân Uyên	106.75676	11.07467	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
4.15	Unnamed Road - Tân Hiệp - Tân Uyên	106.727634	11.03616	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
4.16	ĐT746 - Hội Nghĩa - Tân Uyên	106.762441	11.12091	*A2b*	42		*150*		*C*		
4.17	Tân Hiệp, Tân Uyên.	106.737976	11.07971	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
4.18	Tân Hiệp, Tân Uyên.	106.723359	11.07501	*A2b*	42		*150*		*C*		
4.19	Tân Hiệp, Tân Uyên.	106.7388	11.0565	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
4.20	Khánh Bình, Tân Uyên	106.770414	11.03507	*A2c*	30		*20.00*		*C*		

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột		Thời điểm	Thời điểm
5	***Thành phố Thủ Dầu Một***										
5.1	Hẻm 1369 Lê Hồng Phong - Phú Thọ - Tp. Thủ Dầu Một	106.667402	10.94614	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.2	134 Bùi Quốc Khánh - Chánh Nghĩa - Tp. Thủ Dầu Một	106.660903	10.96577	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.3	58 Hẻm 217 Nguyễn Thị Minh Khai - Phú Hòa - Tp. Thủ Dầu Một	106.694411	10.97559	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.4	Đường Mỹ Phước - Tân Vạn - Phú Hòa - Tp. Thủ Dầu Một	106.69824	10.98105	*A2c*	42		*20.00*		*C*		
5.5	Bùi Văn Bình - Phú Lợi - Tp. Thủ Dầu Một	106.694007	10.9948	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.6	1247 Nguyễn Chí Thanh - Hiệp An - Tp. Thủ Dầu Một	106.618789	11.04373	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.7	Lê Chí Dân - Tân An - Tp. Thủ Dầu Một	106.625148	11.02496	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.8	Nguyễn Văn Cừ - Chánh Mỹ - Tp. Thủ Dầu Một	106.622149	10.99603	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.9	ĐX 006 - Phú Mỹ - Tp. Thủ Dầu Một	106.688925	11.03289	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.10	đường số 4, KCN VSIP 2, p.Hòa Phú, Tp.Thủ Dầu Một	106.678	11.08088	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.11	đường số 2, KCN VSIP 2, p.Hòa Phú, Tp.Thủ Dầu Một	106.68064	11.07615	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.12	đường Lê Hoàn, KCN VSIP	106.6846	11.07362	*A2c*	30		*20.00*		*C*		

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột		Thời điểm	Thời điểm
5.13	ĐH Quốc Tế Miền Đông	106.66783	11.05499	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.14	KCN Sóng Thần 3	106.701656	11.02913	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.15	Khu nhà ở xã hội Định Hòa	106.662594	11.05094	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.16	Định Hòa, Thủ Dầu Một	106.661201	11.04444	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.17	KCN Đồng An 2	106.671729	11.10713	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.18	Đường Lê Lợi, TP Mới Bình Dương	106.674725	11.07703	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.19	Hòa Phú, Thủ Dầu Một	106.673739	11.06456	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.20	Mỹ Phước Tân Vạn, Thủ Dầu Một	106.658251	11.0183	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.21	KDC Hiệp Thành 3	106.669627	11.00159	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.22	Phường Hiệp Thành, Thủ Dầu Một	106.64881	10.99946	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.23	Phường Hòa Phú, Thủ Dầu Một	106.68500	11.05400	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.24	Phường Hòa Phú, Thủ Dầu Một	106.68009	11.05518	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.25	Phường Hiệp Thành, Thủ Dầu Một	106.65638	11.02067	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.26	Phường Phú Mỹ, Thủ Dầu Một	106.68094	11.00358	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.27	Phường Hiệp Thành, Thủ Dầu Một	106.65371	10.99157	*A2c*	30		*20.00*		*C*		

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột		Thời điểm	Thời điểm
5.28	Phường Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một	106.65899	10.97868	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.29	Phường Định Hòa, Thủ Dầu Một	106.64171	11.03066	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.30	Phường Hòa Phú, Thủ Dầu Một	106.67374	11.06456	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
5.31	Phường Hòa Phú, Thủ Dầu Một	106.67353	11.10752	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6	***Thị xã Dĩ An***										
6.1	tổ 17 ấp Nội Hóa I - Bình An - Dĩ An	106.79857	10.90127	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6.2	phường Tân Đông Hiệp - Tx. Dĩ An	106.79547	10.91353	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6.3	Bùi Thị Cội - phường Tân Đông Hiệp - Tx. Dĩ An	106.78018	10.91557	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6.4	23/4A Mạch Thị Liễu - khu phố Đông Chiêu - phường Tân Đông Hiệp - Tx. Dĩ An	106.764177	10.92162	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6.5	Tổ 72B - phường Tân Đông Hiệp - Tx. Dĩ An	106.755997	10.91733	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6.6	ĐT743 - Bình Hòa - Tx. Dĩ An	106.73933	10.91337	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6.7	87 Bùi Thị Xuân - Tân Bình - Tx. Dĩ An	106.761758	10.94096	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6.8	Hố Lang - Khu phố Tân Phước - Tân Bình - Tx. Dĩ An	106.752073	10.94629	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6.9	KDC Tân Đông Hiệp	106.770817	10.93287	*A2c*	30		*20.00*		*C*		

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột		Thời điểm	Thời điểm
6.10	Bình Đường, Dĩ An	106.760031	10.8688	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6.11	KCN Sóng Thần 2	106.746353	10.89698	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6.12	KDC ngã tư 550	106.743287	10.90741	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6.13	KCN Sóng Thần 2	106.754132	10.8998	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6.14	Châu Thới, Dĩ An	106.807671	10.91177	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6.15	Bình An, Dĩ An	106.80175	10.90701	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
6.16	Bình An, Dĩ An	106.81647	10.89278	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7	***Thị xã Thuận An***										
7.1	Hữu Nghị - Bình Hòa - Tx. Thuận An	106.728452	10.92367	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.2	Unnamed Road - Bình Hòa - Tx. Thuận An	106.720236	10.91538	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.3	Tự Do - An Phú - Tx. Thuận An	106.738633	10.93504	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.4	Nguyễn Chí Thanh - Bình Nhâm - Tx. Thuận An	106.698868	10.9238	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.5	Bình Nhâm 16 - Tx. Thuận An	106.693298	10.93457	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.6	Hồ Văn Mên - An Sơn - Tx. Thuận An	106.666473	10.93127	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.7	Đường AS01 - An Sơn - Tx. Thuận An	106.653518	10.93757	*A2c*	30		*20.00*		*C*		

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột		Thời điểm	Thời điểm
7.8	KDC Vĩnh Phú, Vĩnh Phú, Thuận An	106.7116	10.8751	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.9	KDC Vĩnh Phú, Vĩnh Phú, Thuận An	106.716425	10.8808	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.10	Vĩnh Phú, Thuận An	106.710053	10.88611	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.11	Lái Thiêu, Thuận An	106.69823	10.89107	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.12	Bình Hòa, Thuận An	106.71344	10.89831	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.13	Lái Thiêu, Thuận An	106.707709	10.91862	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.14	An Sơn, Thuận An	106.6799	10.93894	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.15	Thuận Giao, Thuận An	106.701998	10.94941	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.16	Thuận Giao, Thuận An	106.703408	10.96063	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.17	Thuận Giao, Thuận An	106.713806	10.96436	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.18	Thuận Giao, Thuận An	106.706025	10.96696	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.19	Thuận Giao, Thuận An	106.721615	10.95863	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.20	Bình Hòa, Thuận An	106.72288	10.94143	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.21	An Phú, Thuận An	106.736192	10.94424	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.22	Cụm công nghiệp Bình Chuẩn	10.976049	10.97605	*A2c*	30		*20.00*		*C*		

STT	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten				Dùng chung cột		Thời điểm	Thời điểm
7.23	Bình Chuẩn, Thuận An	106.716524	10.98207	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
7.24	Bình Chuẩn, Thuận An	106.733232	10.98461	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
8	***Huyện Bắc Tân Uyên***										
8.1	ĐH409 - Vĩnh Tân - Tân Uyên	106.72226	11.11462	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
8.2	Ấp 3, Bình Mỹ, Tân Uyên	106.742823	11.14222	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
8.3	Vĩnh Tân, Tân Uyên	106.69368	11.16019	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
8.4	Đường số 24 - Vĩnh Tân - Tx. Tân Uyên	106.694175	11.12975	*A2c*	30		*20.00*		*C*		
8.5	ấp 2 ĐT746 - Thường Tân - Tân Uyên 72000	106.889582	11.02791	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
8.6	Tân Định, Bắc Tân Uyên	106.932169	11.17298	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
8.7	Tân Mỹ, Bắc Tân Uyên	106.840135	11.07191	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
8.8	Đất Cuốc, Bắc Tân Uyên	106.851304	11.12576	*A2b*	42		*150.00*		*C*		
8.9	KCN Tân Bình	106.71517	11.19741	*A2c*	30		*20.00*		*C*		

Phụ lục 5

DANH MỤC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT LẮP ĐẶT CÁP VIỄN THÔNG CỦA VIETEL BÌNH DƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh)

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng	Thời điểm hạ ngầm cáp viễn thông
		Cột treo cáp VT riêng biệt	Cột treo cáp sử dụng chung với các ngành	Công trình hạ tầng KT ngầm VT riêng biệt	Công trình hạ tầng KT ngầm dùng chung với các ngành		
1	**Thành phố Thủ Dầu Một**						
1	Đại lộ Bình Dương		Cáp quang 24FO - 6 Km			14/05/2009	2018 - 2020
2	Lê Hồng Phong		Cáp quang 24FO - 6.2 Km			27/02/2013	2018 - 2020
3	Nguyễn Tri Phương - Bạch Đằng		Cáp quang 24FO - 5 Km			17/01/2009	2018 - 2020
4	Đường DT743 - Phú Lợi - Yersin nối dài		Cáp quang 24FO - 5.5 Km			25/12/2009	2018 - 2020
5	Đường 30/04		Cáp quang 24FO - 4.1 Km			21/05/2011	2018 - 2020
6	Cách Mạng Tháng 8		Cáp quang 24FO - 5.51 Km			21/03/2011	2018
7	Nguyễn Thị Minh Khai		Cáp quang 24FO - 3.2 Km			16/04/2014	2018 - 2020
8	Huỳnh Văn Lũy		Cáp quang 24FO - 5 Km			27/07/2010	2018

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
9	Phạm Ngọc Thạch		Cáp quang 24FO - 3.45 Km			27/04/2012	2018 - 2020
10	Huỳnh Văn Cù		Cáp quang 24FO - 1 Km			03/09/2013	2018 - 2020
11	Đường Tạo Lực 1		Cáp quang 24FO - 8.1 Km			04/01/2010	2018 - 2020
12	Nguyễn Văn Cừ		Cáp quang 24FO - 4 Km			20/05/2014	2018 - 2020
13	Lê Chí Dân		Cáp quang 24FO - 5 Km			15/11/2014	2018 - 2020
14	Nguyễn Chí Thanh - DT744		Cáp quang 24FO - 6 Km			05/05/2015	2018 - 2020
15	Trần Ngọc Lên		Cáp quang 24FO - 3.4 Km			18/12/2012	2018 - 2020
16	Nguyễn Văn Thành		Cáp quang 24FO - 3.1 Km			21/06/2012	2018 - 2020
17	Phạm Ngũ Lão		Cáp quang 24FO - 1.56 Km			08/01/2011	2018 - 2020
18	Thích Quãng Đức		Cáp quang 24FO - 2 Km			16/05/2012	2018 - 2020
19	Hồ Văn Cống		Cáp quang 24FO - 3.4 Km			01/03/2011	2018 - 2020
20	Huỳnh Thị Hiếu		Cáp quang 24FO - 3 Km			27/06/2012	2018 - 2020
21	Phan Đăng Lưu		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			21/06/2010	2018 - 2020
22	Đoàn Trần Nghiệp		Cáp quang 24FO - 0.37 Km			29/02/2016	2018
23	Hùng Vương		Cáp quang 24FO - 0.41 Km			23/03/2017	2018

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
24	Lý Thường Kiệt		Cáp quang 24FO - 0.81 Km			09/07/2016	2018
25	Ngô Quyền		Cáp quang 24FO - 0.54 Km			20/04/2016	2018
26	Nguyễn Chí Thanh		Cáp quang 24FO - 6.1 Km			09/08/2016	2018 - 2020
27	Nguyễn Du		Cáp quang 24FO - 0.14 Km			17/04/2016	2018 - 2020
28	Phan Đình Giót		Cáp quang 24FO - 0.64 Km			05/08/2016	2018 - 2020
29	Trần Hưng Đạo		Cáp quang 24FO - 0.21 Km			01/08/2016	2018 - 2020
30	Trừ Văn Thố		Cáp quang 24FO - 0.14 Km			01/05/2017	2018 - 2020
31	Văn Công Khai		Cáp quang 24FO - 0.49 Km			20/04/2016	2018 - 2020
32	Hoàng Văn Thụ		Cáp quang 24FO - 1 Km			09/08/2016	2018 - 2020
33	Các tuyến đường trong khu đô thị mới Hòa Phú - Phú Tân		Cáp quang 24FO - 0 Km			23/03/2017	2018 - 2020
34	P. Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			17/01/2017	
35	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			28/02/2016	
36	P. Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			01/07/2016	
37	P. Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			06/08/2016	
38	P. Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 3 Km			27/06/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
39	P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một - KCN Nam Tân Uyên, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			07/07/2017	
40	P. Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một - P. Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			25/06/2017	
41	P. Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			01/12/2017	
42	P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			28/05/2016	
43	P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1 Km			29/02/2016	
44	P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			23/03/2017	
45	P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.4 Km			09/07/2016	
46	P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một - đường D1, KCN Thạnh Bình, kp.Thạnh Bình, p.An Thạnh, tx.Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			20/04/2016	
47	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một - P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			09/08/2016	
48	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một - P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			17/04/2016	
49	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một - P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			05/08/2016	
50	P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 2 Km			01/08/2016	
51	P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.9 Km			01/05/2017	
52	P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			20/10/2017	
53	P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.7 Km			05/12/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
54	P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một - P. Hiệp Thành, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 7.5 Km			25/07/2017	
55	P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			31/10/2016	
56	P. Định Hòa, TP Thủ Dầu Một - Hiệp An , TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			28/02/2017	
57	P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một - P. Bình Chuẩn, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.4 Km			29/03/2017	
58	P. Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 3.3 Km			09/01/2017	
59	P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			07/11/2016	
60	P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.6 Km			20/10/2016	
61	P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một - Tân Phước Khánh, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 3.7 Km			30/08/2016	
62	P. Phú Cường, TP Thủ Dầu Một - Chánh Mỹ , TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			29/11/2016	
63	P. Phú Cường, TP Thủ Dầu Một - Chánh Mỹ , TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 2.7 Km			08/03/2017	
64	P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			22/08/2017	
65	P. Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một - Phú Chánh, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 4.3 Km			17/08/2016	
66	P. Định Hòa, TP Thủ Dầu Một - Tân Định, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			30/08/2016	
67	P. Hiệp Thành, TP Thủ Dầu Một - P. Hiệp Thành, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			30/10/2017	
68	Chánh Mỹ , TP Thủ Dầu Một - Tương Bình Hiệp , TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 3.4 Km			02/03/2017	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
69	Chánh Mỹ , TP Thủ Dầu Một - Chánh Mỹ , TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			16/02/2016	
70	Chánh Mỹ , TP Thủ Dầu Một - Chánh Mỹ , TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			14/02/2016	
71	P. Hiệp Thành, TP Thủ Dầu Một - Chánh Mỹ , TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			25/04/2016	
72	Hiệp An , TP Thủ Dầu Một - Hiệp An , TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			17/01/2017	
73	Tương Bình Hiệp , TP Thủ Dầu Một - Tương Bình Hiệp , TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			16/08/2016	
74	Chánh Mỹ , TP Thủ Dầu Một - P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 2.6 Km			30/08/2016	
75	P. Định Hòa, TP Thủ Dầu Một - P. Định Hòa, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.7 Km			25/02/2017	
76	Chánh Mỹ , TP Thủ Dầu Một - Chánh Mỹ , TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.4 Km			02/12/2016	
77	P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			02/08/2017	
78	P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một - P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1 Km			19/03/2016	
79	Phú Hòa, Thủ Dầu Một - Phú Lợi, Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.7 Km			31/07/2016	
80	Phú Hòa, Thủ Dầu Một - P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			26/04/2017	
81	Phú Lợi, Thủ Dầu Một - P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1 Km			07/09/2017	
82	Phú Lợi, Thủ Dầu Một - P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			13/05/2017	
83	Phú Lợi, Thủ Dầu Một - P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			18/01/2017	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
84	Phú Lợi, Thủ Dầu Một - P. Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1 Km			09/02/2017	
85	Phú Lợi, Thủ Dầu Một - P. Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1 Km			30/06/2016	
86	Phú Lợi, Thủ Dầu Một - P. Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1 Km			29/10/2016	
87	Phú Mỹ, Thủ Dầu Một - P. Định Hòa, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			19/12/2017	
88	Phú Mỹ, Thủ Dầu Một - P. Hiệp Thành, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			23/11/2016	
89	Hòa Phú, Thủ Dầu Một - P. Định Hòa, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			03/02/2016	
90	Hòa Phú, Thủ Dầu Một - Hòa Phú, Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			16/02/2016	
91	Phú Mỹ, Thủ Dầu Một - P. Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1 Km			19/05/2016	
92	Phú Mỹ, Thủ Dầu Một - P. Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			04/07/2016	
93	Phú Mỹ, Thủ Dầu Một - P. Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.4 Km			17/08/2017	
94	Phú Mỹ, Thủ Dầu Một - P. Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			28/07/2016	
95	Hòa Phú, Thủ Dầu Một - P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			10/09/2017	
96	Hòa Phú, Thủ Dầu Một - Hòa Phú, Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			09/07/2017	
97	Hòa Phú, Thủ Dầu Một - P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			26/11/2017	
98	Hòa Phú, Thủ Dầu Một - P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			29/06/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
99	Hòa Phú, Thủ Dầu Một - P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.4 Km			03/01/2017	
100	Hòa Phú, Thủ Dầu Một - P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 0.7 Km			26/03/2017	
101	Hòa Phú, Thủ Dầu Một - P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			27/02/2017	
102	Phú Tân, Thủ Dầu Một - P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			06/01/2016	
103	Phú Tân, Thủ Dầu Một - P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.9 Km			21/10/2016	
2	**Thị xã Thuận An**		0				2018
1	Đại Lộ Bình Dương		Cáp quang 24FO - 4.8 Km			29/05/2014	2018 - 2020
2	Đường tỉnh 745		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			03/06/2014	2018 - 2020
3	Thủ Khoa Huân		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			29/05/2010	2018 - 2020
4	TL746		Cáp quang 24FO - 4.8 Km			30/03/2011	2018 - 2020
5	Đường tỉnh 743		Cáp quang 24FO - 2.3 Km			10/06/2011	2018
6	TL743C		Cáp quang 24FO - 3.5 Km			14/07/2015	2018 - 2020
7	Nguyễn Trãi		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			12/01/2009	2017 - 2020
8	Nguyễn Văn Tiết		Cáp quang 24FO - 2.1 Km			28/10/2013	2017 - 2020
9	TL43		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			11/07/2015	2018 - 2020

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
10	Đường 22/12		Cáp quang 24FO - 4 Km			12/12/2016	2018 - 2020
11	Lê Văn Duyệt		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			09/03/2017	2018 - 2020
12	Phan Châu Trinh		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			17/04/2016	2018 - 2020
13	Phan Đình Phùng		Cáp quang 24FO - 0.3 Km			05/08/2016	2018 - 2020
14	Đông Cung Cảnh		Cáp quang 24FO - 0.2 Km			15/08/2017	2018 - 2020
15	P. Bình Chuẩn, TX Thuận An - P. Bình Chuẩn, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			11/03/2017	
16	P. An Phú, TX Thuận An - P. An Phú, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			21/09/2017	
17	P. Bình Chuẩn, TX Thuận An - P. Bình Chuẩn, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			05/07/2016	
18	P. An Phú, TX Thuận An - P. An Phú, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			15/03/2017	
19	P. An Phú, TX Thuận An - P. Bình Chuẩn, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			12/12/2016	
20	P. Thuận Giao, TX Thuận An - P. An Phú, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1 Km			09/03/2017	
21	P. An Phú, TX Thuận An - đường Trần Quang Diệu, gần nhà máy nước Dĩ An, p.Tân Bình, tx.Dĩ An		Cáp quang 24FO - 2.1 Km			17/04/2016	
22	P. Vĩnh Phú, TX Thuận An - P. Vĩnh Phú, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			05/08/2016	
23	P. Vĩnh Phú, TX Thuận An - P. Vĩnh Phú, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			15/08/2017	
24	P. Lái Thiêu, TX Thuận An - P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			26/05/2017	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
25	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			24/06/2016	
26	P. Lái Thiêu, TX Thuận An - P. Lái Thiêu, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			12/04/2016	
27	đường D1, KCN Thạnh Bình, kp.Thạnh Bình, p.An Thạnh, tx.Thuận An - P. An Thạnh, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 0.9 Km			03/12/2017	
28	P. Thuận Giao, TX Thuận An - P. Thuận Giao, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			04/07/2016	
29	P. Thuận Giao, TX Thuận An - P. Thuận Giao, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			11/01/2017	
30	P. Bình Hòa, TX Thuận An - p.Bình Hòa, tx.Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			18/08/2017	
31	p.Bình Hòa, tx.Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			07/08/2016	
32	P. An Thạnh, TX Thuận An - tổ 3 KP1, Thạnh Hòa B, An Thạnh Thuận An, An Thạnh, Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			23/12/2017	
33	tổ 3 KP1, Thạnh Hòa B, An Thạnh Thuận An, An Thạnh, Thuận An - P. An Thạnh, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			21/09/2016	
34	đường N1, KCN Thạnh Bình, kp.Thạnh Bình, p.An Thạnh, tx.Thuận An - đường N1, KCN Thạnh Bình, kp.Thạnh Bình, p.An Thạnh, tx.Thuận An		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			11/02/2017	
35	P. Thuận Giao, TX Thuận An - P. Thuận Giao, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			16/08/2016	
36	P. Thuận Giao, TX Thuận An - P. Thuận Giao, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			19/02/2017	
37	P. Bình Hòa, TX Thuận An - KCN Sóng Thần 2 , TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			07/06/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
38	P. Vĩnh Phú, TX Thuận An - kp Hòa lâm, TT Lái thiêu, Tx.Thuân An Bình Dương		Cáp quang 24FO - 1 Km			03/04/2017	
39	kp Hòa lâm, TT Lái thiêu, Tx.Thuân An Bình Dương - KCN Mỹ Phước 3, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 0.9 Km			03/12/2017	
40	P. Bình Hòa, TX Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1 Km			28/09/2016	
41	P. Bình Hòa, TX Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1 Km			06/05/2016	
42	P. Bình Hòa, TX Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 0.7 Km			12/03/2017	
43	P. Bình Hòa, TX Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1 Km			11/06/2016	
44	P. Lái Thiêu, TX Thuận An - P. Lái Thiêu, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 0.6 Km			27/02/2016	
45	P. Bình Hòa, TX Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			28/10/2016	
46	P. Bình Hòa, TX Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1 Km			25/11/2016	
47	P. Bình Hòa, TX Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			02/05/2016	
48	P. Bình Hòa, TX Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			25/05/2017	
49	P. Lái Thiêu, TX Thuận An - P. Lái Thiêu, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			21/05/2017	
50	P. Thuận Giao, TX Thuận An - Tân Phước Khánh, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 3.5 Km			31/10/2017	
51	P. An Phú, TX Thuận An - P. An Phú, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			11/03/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
52	P. Bình Hòa, TX Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.4 Km			15/11/2017	
53	P. An Thạnh, TX Thuận An - P. Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.4 Km			16/07/2017	
54	P. An Thạnh, TX Thuận An - An Sơn , TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 2 Km			07/06/2016	
55	P. Lái Thiêu, TX Thuận An - P. Lái Thiêu, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			12/04/2016	
56	P. An Thạnh, TX Thuận An - P. An Thạnh, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.6 Km			02/01/2016	
57	Bình Nhâm , TX Thuận An - P. An Thạnh, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 2.6 Km			07/10/2016	
58	P. Lái Thiêu, TX Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			18/09/2016	
59	P. Lái Thiêu, TX Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.4 Km			20/04/2017	
60	P. An Thạnh, TX Thuận An - P. An Thạnh, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			09/06/2016	
61	P. Vĩnh Phú, TX Thuận An - P. Vĩnh Phú, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			03/11/2017	
62	P. Vĩnh Phú, TX Thuận An - P. Vĩnh Phú, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			14/09/2017	
63	Bình Nhâm , TX Thuận An - Bình Nhâm , TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			02/01/2017	
64	Bình Nhâm , TX Thuận An - Bình Nhâm , TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			16/02/2017	
65	P. Bình Hòa, TX Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 0.9 Km			28/12/2016	
66	P. Bình Hòa, TX Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			24/11/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
67	Vĩnh Phú, Thuận An - P. Vĩnh Phú, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			27/05/2017	
68	Vĩnh Phú, Thuận An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 3.5 Km			10/08/2017	
69	Vĩnh Phú, Thuận An - P. Vĩnh Phú, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 0.9 Km			28/09/2017	
70	Vĩnh Phú, Thuận An - Vĩnh Phú, Thuận An		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			10/07/2017	
71	An Phú, Thuận An - P. Bình Chuẩn, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1 Km			29/05/2016	
72	An Phú, Thuận An - Tân Phước Khánh, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			18/08/2017	
73	An Phú, Thuận An - P. Bình Chuẩn, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1 Km			09/01/2017	
74	An Phú, Thuận An - P. Bình Chuẩn, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			29/05/2017	
75	Bình Chuẩn, Thuận An - P. Bình Chuẩn, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			12/08/2017	
76	Bình Chuẩn, Thuận An - P. Bình Chuẩn, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1 Km			24/12/2016	
77	An Sơn, Thuận An - An Sơn, Thuận An		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			14/07/2016	
78	An Sơn, Thuận An - An Sơn, Thuận An		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			01/10/2016	
79	An Sơn, Thuận An - An Sơn , TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			24/04/2017	
80	An Sơn, Thuận An - An Sơn , TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 2 Km			12/09/2016	
81	An Sơn, Thuận An - An Sơn , TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.9 Km			31/01/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
82	An Sơn, Thuận An - P. An Thạnh, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			11/12/2017	
83	Hưng Định, Thuận An - P. An Thạnh, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			19/09/2016	
84	Hưng Định, Thuận An - Bình Nhâm , TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			30/06/2016	
3	**Thị xã Dĩ An**						
1	Lý Thường Kiệt		Cáp quang 24FO - 20 Km			01/10/2014	2018
2	Thống Nhất		Cáp quang 24FO - 2.14 Km			30/01/2014	2018 - 2020
3	Quốc lộ 1K		Cáp quang 24FO - 3 Km			10/02/2014	2018
4	Xa lộ Hà Nội		Cáp quang 24FO - 3 Km			17/05/2012	2018
5	Đường tỉnh 743		Cáp quang 24FO - 2.9 Km			03/02/2016	2018
6	Trần Hưng Đạo		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			03/09/2017	2018 - 2020
7	Hai Bà Trưng		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			13/06/2016	2018
8	Nguyễn An Ninh		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			11/12/2017	2018 - 2020
9	Truông Tre		Cáp quang 24FO - 1.4 Km			25/06/2016	2018
10	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An - P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1 Km			04/08/2016	
11	P. Tân Bình, TX Dĩ An - P. Dĩ An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			08/06/2017	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
12	P. Bình Thắng, TX Dĩ An - P. Tân Bình, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1 Km			12/08/2017	
13	P. Tân Bình, TX Dĩ An - P. Bình An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			21/11/2016	
14	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An - P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			05/12/2016	
15	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An - P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			11/06/2017	
16	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An - P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			03/02/2016	
17	đường Trần Quang Diệu, gần nhà máy nước Dĩ An, p.Tân Bình, tx.Dĩ An - P. Tân Bình, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			03/09/2017	
18	P. Bình Thắng, TX Dĩ An - P. Bình An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			13/06/2016	
19	P. Bình An, TX Dĩ An - P. Dĩ An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			11/12/2017	
20	P. Đông Hòa, TX Dĩ An - P. Đông Hòa, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			25/06/2016	
21	P. Dĩ An, TX Dĩ An - P. Bình An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1 Km			31/01/2016	
22	P. Bình An, TX Dĩ An - P. Dĩ An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1 Km			06/07/2016	
23	P. Đông Hòa, TX Dĩ An - KCN Sóng Thần 2 , TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.6 Km			07/07/2017	
24	KCN Sóng Thần 2 , TX Dĩ An - P. An Bình, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			06/11/2016	
25	P. Bình Thắng, TX Dĩ An - P. Bình An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			23/02/2016	
26	P. Bình An, TX Dĩ An - P. Bình Thắng, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.4 Km			31/10/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
27	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp A , TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			02/03/2017	
28	KCN Tân Đông Hiệp A , TX Dĩ An - P. Dĩ An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			01/09/2017	
29	P. Đông Hòa, TX Dĩ An - P. An Bình, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 3.3 Km			28/06/2016	
30	P. An Bình, TX Dĩ An - P. An Bình, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 0.7 Km			18/09/2017	
31	P. Dĩ An, TX Dĩ An - KCN Sóng Thần 2 , TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			08/03/2017	
32	KCN Sóng Thần 2 , TX Dĩ An - P. Đông Hòa, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1 Km			23/08/2016	
33	P. Đông Hòa, TX Dĩ An - KCN Sóng Thần 2 , TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1 Km			17/04/2016	
34	KCN Sóng Thần 2 , TX Dĩ An - KCN Sóng Thần 2 , TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			21/07/2016	
35	KCN Sóng Thần 2 , TX Dĩ An - P. An Bình, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			17/11/2016	
36	P. An Bình, TX Dĩ An - KCN Sóng Thần 2 , TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			04/03/2016	
37	KCN Sóng Thần 2 , TX Dĩ An - KCN Sóng Thần 1 , TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			02/10/2016	
38	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 0.9 Km			07/04/2016	
39	KCN Sóng Thần 2 , TX Dĩ An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			12/08/2016	
40	P. Dĩ An, TX Dĩ An - P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			17/05/2017	
41	P. Dĩ An, TX Dĩ An - P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 2.8 Km			12/11/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
42	P. Bình An, TX Dĩ An - P. Bình Thắng, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 5.9 Km			01/02/2016	
43	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An - P. Bình An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 2.1 Km			26/03/2017	
44	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An - P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.6 Km			10/04/2017	
45	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An - P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			26/05/2016	
46	P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An - P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 0.9 Km			13/01/2016	
47	P. Đông Hòa, TX Dĩ An - P. Đông Hòa, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1 Km			26/09/2017	
48	P. An Bình, TX Dĩ An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 2 Km			21/12/2017	
49	P. An Bình, TX Dĩ An - P. An Bình, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 2.7 Km			17/09/2017	
50	Bình Đường, Dĩ An - P. An Bình, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 0.4 Km			04/05/2017	
51	Bình Đường, Dĩ An - P. An Bình, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			10/08/2016	
52	Dĩ An, Dĩ An - P. Bình An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			11/05/2016	
53	Dĩ An, Dĩ An - P. Dĩ An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 0.9 Km			30/12/2017	
54	Dĩ An, Dĩ An - P. Dĩ An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			17/04/2017	
55	Dĩ An, Dĩ An - P. Dĩ An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1 Km			11/12/2017	
56	Tân Đông Hiệp, Dĩ An - KCN Sóng Thần 2 , TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1 Km			20/08/2017	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
57	Tân Đông Hiệp, Dĩ An - P. Bình Hòa, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			15/03/2016	
58	Tân Đông Hiệp, Dĩ An - P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			21/02/2017	
59	Tân Đông Hiệp, Dĩ An - P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			06/07/2016	
60	Dĩ An, Dĩ An - P. Dĩ An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			06/09/2017	
61	Dĩ An, Dĩ An - P. Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 2 Km			14/08/2017	
62	Đông Hòa, Dĩ An - P. Đông Hòa, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			13/09/2017	
63	Đông Hòa, Dĩ An - P. Đông Hòa, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			19/06/2016	
64	Bình Thắng, Dĩ An - P. Bình An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			02/07/2016	
65	Bình Thắng, Dĩ An - P. Bình An, TX Dĩ An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			03/04/2016	
4	**Thị xã Tân Uyên**						
1	DT745		Cáp quang 24FO - 13 Km			24/06/2009	2018 - 2020
2	DT743		Cáp quang 24FO - 4.9 Km			15/03/2014	2018 - 2020
3	Nguyễn Văn Thành		Cáp quang 24FO - 4.6 Km			21/06/2012	2018 - 2020
4	Đường tỉnh 742		Cáp quang 24FO - 3 Km			25/04/2011	2019
5	Đường tỉnh 746		Cáp quang 24FO - 3 Km			21/09/2015	2019

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
6	Đường trục chính TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 6 Km			27/09/2016	2018
7	Đường tỉnh 747		Cáp quang 24FO - 2 Km			01/12/2017	2019
8	Thái Hòa, TX Tân Uyên - Thái Hòa, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			10/06/2016	
9	Tân Phước Khánh, TX Tân Uyên - Tân Phước Khánh, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1 Km			30/01/2017	
10	Tân Phước Khánh, TX Tân Uyên - Tân Phước Khánh, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			11/02/2016	
11	Tân Phước Khánh, TX Tân Uyên - Tân Phước Khánh, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			24/07/2017	
12	Khánh Bình, TX Tân Uyên - Thạnh Phước, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			24/12/2017	
13	Thạnh Phước, TX Tân Uyên - Thạnh Phước, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 2.8 Km			27/09/2016	
14	Thái Hòa, TX Tân Uyên - Thái Hòa, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			23/03/2016	
15	Tân Hiệp, TX Tân Uyên - ấp Ba Tri, xã Tân Hiệp, tx.Tân Uyên, BDG		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			10/08/2016	
16	ấp Ba Tri, xã Tân Hiệp, tx.Tân Uyên, BDG - Vĩnh Tân, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 3 Km			18/08/2016	
17	P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một - Phú Chánh, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1 Km			23/10/2017	
18	Phú Chánh, TX Tân Uyên - Phú Chánh, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			28/03/2017	
19	Phú Chánh, TX Tân Uyên - Phú Chánh, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			21/01/2017	
20	Khánh Bình, TX Tân Uyên - Tân Hiệp, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 2.7 Km			27/09/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
21	Thạnh Phước, TX Tân Uyên - Khánh Bình, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.9 Km			01/12/2017	
22	Tân Hiệp, TX Tân Uyên - Tân Hiệp, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			22/10/2017	
23	Tân Hiệp, TX Tân Uyên - Uyên Hưng, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1 Km			10/08/2017	
24	Khánh Bình, TX Tân Uyên - KCN Nam Tân Uyên, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			18/05/2016	
25	KCN Nam Tân Uyên, TX Tân Uyên - Bình Mỹ, Bắc Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			04/08/2016	
26	Uyên Hưng, TX Tân Uyên - Uyên Hưng, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 2 Km			01/05/2017	
27	Uyên Hưng, TX Tân Uyên - Uyên Hưng, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 3.2 Km			06/01/2016	
28	Tân Phước Khánh, TX Tân Uyên - Tân Phước Khánh, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			06/01/2016	
29	Thái Hòa, TX Tân Uyên - Thái Hòa, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			21/11/2017	
30	P. Phú Mỹ, TP Thủ Dầu Một - Phú Chánh, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 3.5 Km			10/10/2017	
31	Tân Hiệp, TX Tân Uyên - Tân Hiệp, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 2.7 Km			12/11/2017	
32	Tân Hiệp, TX Tân Uyên - Vĩnh Tân, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 3.9 Km			11/06/2016	
33	Uyên Hưng, TX Tân Uyên - Ấp Xóm Đèn, xã Tân Mỹ, h.Bắc Tân Uyên, BDG		Cáp quang 24FO - 2.3 Km			17/10/2017	
34	Uyên Hưng, TX Tân Uyên - Đất Cuốc, Bắc Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 5.9 Km			01/10/2016	
35	Hội Nghĩa, TX Tân Uyên - Hội Nghĩa, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			02/12/2017	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
36	Vĩnh Tân, TX Tân Uyên - Tân Bình, Bắc Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 9 Km			22/04/2017	
37	Tân Phước Khánh, TX Tân Uyên - Thái Hòa, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.6 Km			18/10/2016	
38	Tân Phước Khánh, TX Tân Uyên - P. Bình Chuẩn, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			30/11/2017	
39	Tân Vĩnh Hiệp, TX Tân Uyên - Tân Hiệp, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 3 Km			27/07/2016	
40	Tân Phước Khánh, TX Tân Uyên - Tân Vĩnh Hiệp, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			17/04/2017	
41	Thạnh Phước, TX Tân Uyên - Thạnh Phước, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			22/12/2016	
42	Tân Hiệp, TX Tân Uyên - Tân Hiệp, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.9 Km			23/09/2016	
43	Thái Hòa, TX Tân Uyên - P. An Phú, TX Thuận An		Cáp quang 24FO - 2.3 Km			13/04/2016	
44	Khánh Bình, TX Tân Uyên - Khánh Bình, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			01/12/2017	
45	Uyên Hưng, TX Tân Uyên - Hội Nghĩa, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 8 Km			26/06/2017	
46	Thái Hòa, TX Tân Uyên - Thái Hòa, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			15/09/2016	
47	Tân Vĩnh Hiệp, TX Tân Uyên - Ấp Ông Đông, Tân Hiệp, Tân Uyên, Tân Hiệp, Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1 Km			12/07/2017	
48	Tân Vĩnh Hiệp, TX Tân Uyên - Khánh Bình, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			21/08/2016	
49	Tân Hiệp, Tân Uyên - Tân Vĩnh Hiệp, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			08/11/2016	
50	Tân Hiệp, Tân Uyên - Tân Hiệp, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			01/05/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
51	Tân Hiệp, Tân Uyên - Hội Nghĩa, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 4.2 Km			01/09/2017	
52	Tân Hiệp, Tân Uyên - Tân Hiệp, Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			08/07/2017	
53	Tân Hiệp, Tân Uyên - Tân Hiệp, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			25/04/2017	
54	Tân Hiệp, Tân Uyên - Tân Hiệp, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.9 Km			07/09/2016	
55	Vĩnh Tân, Tân Uyên - Vĩnh Tân, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			04/02/2017	
56	Vĩnh Tân, Tân Uyên - Vĩnh Tân, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 3.6 Km			10/11/2017	
57	Vĩnh Tân, Tân Uyên - Vĩnh Tân, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			30/05/2016	
58	Vĩnh Tân, Tân Uyên - P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			22/03/2016	
59	Vĩnh Tân, Tân Uyên - Vĩnh Tân, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 2 Km			25/02/2017	
60	Vĩnh Tân, Tân Uyên - Vĩnh Tân, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			08/07/2016	
61	Vĩnh Tân, Tân Uyên - Vĩnh Tân, Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 2.3 Km			24/07/2016	
62	Vĩnh Tân, Tân Uyên - Vĩnh Tân, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			23/04/2016	
63	Vĩnh Tân, Tân Uyên - Vĩnh Tân, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			01/11/2017	
64	Vĩnh Tân, Tân Uyên - Vĩnh Tân, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			04/01/2017	
5	**Thị xã Bến Cát**		0				

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
1	Nguyễn Văn Thành (đường tỉnh 741)		Cáp quang 24FO - 5.5 Km			21/06/2012	2018 - 2020
2	Quốc lộ 13 - Đại lộ Bình Dương		Cáp quang 24FO - 18.62 Km			29/05/2014	
3	TL240		Cáp quang 24FO - 3.4 Km			24/12/2011	
4	DT748		Cáp quang 24FO - 5 Km			07/11/2012	
5	Tỉnh lộ 7		Cáp quang 24FO - 7.8 Km			12/06/2014	
6	Đường Tỉnh 744		Cáp quang 24FO - 5 Km			12/03/2010	2018 - 2020
7	Đoạn từ Ngã tư Phú Thứ đến Ngã tư An Điền		Cáp quang 24FO - 11 Km			16/03/2009	
8	Đường 02/09		Cáp quang 24FO - 4.5 Km			19/01/2012	2018 - 2020
9	Hùng Vương		Cáp quang 24FO - 0.6 Km			13/07/2017	2018
10	Đường 30/04		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			22/10/2016	2018 - 2020
11	Tân Định, TX Bến Cát - Tân Định, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			13/02/2017	
12	Tân Định, TX Bến Cát - Tân Định, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			17/12/2017	
13	Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát - Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			14/11/2016	
14	Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát - Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			01/11/2017	
15	Thới Hòa, TX Bến Cát - Thới Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			04/04/2017	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
16	Thới Hòa, TX Bến Cát - Thới Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			07/03/2017	
17	Hòa Lợi, TX Bến Cát - đường Lăngxi, p.Hòa Lợi, Tx.Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			13/09/2017	
18	đường Lăngxi, p.Hòa Lợi, Tx.Bến Cát - Thới Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.3 Km			14/04/2017	
19	Tân Định, TX Bến Cát - Hòa Lợi, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			30/09/2017	
20	KCN Mỹ Phước 1, TX Bến Cát - KCN Mỹ Phước 1, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 0.7 Km			13/07/2017	
21	KCN Mỹ Phước 1, TX Bến Cát - Mỹ Phước, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			22/10/2016	
22	Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát - kp 4, p.Chánh Phú Hoà, tx.Bến Cát, BDG		Cáp quang 24FO - 2.4 Km			17/07/2016	
23	kp 4, p.Chánh Phú Hoà, tx.Bến Cát, BDG - Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			29/08/2017	
24	kp 5, p.Chánh Phú Hoà, tx.Bến Cát, BDG - Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			15/12/2017	
25	kp 5, p.Mỹ Phước, Tx.Bến Cát, BDG - Mỹ Phước, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.9 Km			20/02/2017	
26	An Điền, TX Bến Cát - An Điền, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			21/11/2016	
27	An Điền, TX Bến Cát - An Điền, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			14/08/2016	
28	An Điền, TX Bến Cát - An Điền, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			10/05/2017	
29	An Tây, TX Bến Cát - An Tây, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			17/12/2016	
30	An Tây, TX Bến Cát - An Tây, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			12/11/2017	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
31	An Điền, TX Bến Cát - tổ 2, ấp An Mỹ, xã An Điền, tx.Bến Cát, BDG		Cáp quang 24FO - 2.1 Km			30/10/2017	
32	tổ 2, ấp An Mỹ, xã An Điền, tx.Bến Cát, BDG - Hòa Lợi, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.1 Km			20/09/2017	
33	Hòa Lợi, TX Bến Cát - tổ 5, ấp Bến Liễu, xã Phú An, tx.Bến Cát, BDG		Cáp quang 24FO - 2.4 Km			23/01/2017	
34	tổ 5, ấp Bến Liễu, xã Phú An, tx.Bến Cát, BDG - Phú An, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			17/12/2017	
35	An Điền, TX Bến Cát - An Điền, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 0.7 Km			07/02/2017	
36	Tân Định, TX Bến Cát - Tân Định, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2 Km			15/06/2016	
37	Tân Định, TX Bến Cát - Thới Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 4 Km			08/04/2016	
38	Thới Hòa, TX Bến Cát - Thới Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.4 Km			16/04/2016	
39	Mỹ Phước, TX Bến Cát - Thới Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			01/07/2017	
40	Mỹ Phước, TX Bến Cát - Mỹ Phước, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			26/04/2017	
41	Mỹ Phước, TX Bến Cát - Mỹ Phước, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 0.7 Km			23/11/2017	
42	Mỹ Phước, TX Bến Cát - Mỹ Phước, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.6 Km			26/05/2017	
43	Mỹ Phước, TX Bến Cát - Mỹ Phước, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.1 Km			22/03/2017	
44	Hòa Lợi, TX Bến Cát - P. Định Hòa, TP Thủ Dầu Một		Cáp quang 24FO - 3.7 Km			16/06/2016	
45	Hòa Lợi, TX Bến Cát - Hòa Lợi, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			23/06/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
46	Hòa Lợi, TX Bến Cát - Hòa Lợi, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			13/08/2017	
47	Hòa Lợi, TX Bến Cát - Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.9 Km			16/10/2017	
48	Hòa Lợi, TX Bến Cát - Hòa Lợi, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			25/02/2017	
49	Hòa Lợi, TX Bến Cát - Hòa Lợi, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			16/05/2016	
50	Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát - Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 4.6 Km			15/02/2017	
51	Mỹ Phước, TX Bến Cát - Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 5 Km			14/04/2016	
52	Mỹ Phước, TX Bến Cát - Long Nguyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 8.6 Km			31/12/2017	
53	Mỹ Phước, TX Bến Cát - Mỹ Phước, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.6 Km			20/08/2016	
54	Mỹ Phước, TX Bến Cát - An Tây, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 9.7 Km			15/02/2016	
55	An Tây, TX Bến Cát - An Tây, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 3.7 Km			18/11/2017	
56	Phú An, TX Bến Cát - An Tây, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			13/10/2017	
57	Mobifone (cột 39m), ấp Rạch Bắp, xã An Tây, Tx.Bến Cát, BDG - An Tây, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			22/02/2016	
58	Mobifone (cột 39m), ấp Rạch Bắp, xã An Tây, Tx.Bến Cát, BDG - An Điền, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.3 Km			10/09/2017	
59	KCN Mỹ Phước 1, TX Bến Cát - KCN Mỹ Phước 2, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			13/07/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
60	KCN Mỹ Phước 1, TX Bến Cát - KCN Mỹ Phước 2, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			02/11/2016	
61	Thới Hòa, Bến Cát - Tân Định, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			06/01/2016	
62	Thới Hòa, Bến Cát - Thới Hòa, Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.7 Km			10/06/2016	
63	Thới Hòa, Bến Cát - Thới Hòa, Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			22/12/2016	
64	Thới Hòa, Bến Cát - Thới Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			26/07/2016	
65	Thới Hòa, Bến Cát - Thới Hòa, Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			30/08/2016	
66	Thới Hòa, Bến Cát - Mỹ Phước, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2 Km			26/02/2016	
67	Hòa Lợi, Bến Cát - Thới Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			30/08/2016	
68	Hòa Lợi, Bến Cát - đường Lăngxi, p.Hòa Lợi, Tx.Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			30/07/2016	
69	Thới Hòa, Bến Cát - Thới Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			01/09/2016	
70	Thới Hòa, Bến Cát - Thới Hòa, Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			14/03/2016	
71	Thới Hòa, Bến Cát - Thới Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			26/05/2016	
72	Mỹ Phước, Bến Cát - Mỹ Phước, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.9 Km			29/07/2017	
73	Mỹ Phước, Bến Cát - Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			03/06/2016	
74	Mỹ Phước, Bến Cát - KCN Mỹ Phước 3, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2 Km			04/05/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
75	Mỹ Phước, Bến Cát - Chánh Phú Hòa, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 3 Km			25/11/2016	
6	**Huyện Bàu Bàng**		0				2018
1	Quốc lộ 13 (đoạn qua thị trấn Bàu Bàng)		Cáp quang 24FO - 15 Km			29/05/2014	2018 - 2020
2	DT750		Cáp quang 24FO - 11 Km			02/03/2009	
3	TL240		Cáp quang 24FO - 9.4 Km			24/12/2011	
6	DH612		Cáp quang 24FO - 13 Km			19/12/2013	
4	DH762 Đoạn từ Ngã ba Bàu Bàng đến Ngã ba Cổng Xanh		Cáp quang 24FO - 12.5 Km			10/12/2013	
5	ấp 2, xã Hưng Hoà, h.Bàu Bàng, BDG - Hưng Hòa, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 2 Km			07/10/2016	
6	Hưng Hòa, Bàu Bàng - Tân Hưng, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			16/07/2016	
7	Tân Hưng, Bàu Bàng - Tân Hưng, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 2.3 Km			19/05/2016	
8	Tân Hưng, Bàu Bàng - ấp 5, xã Tân Hưng, h.Bàu Bàng, BDG		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			28/03/2016	
9	ấp 5, xã Tân Hưng, h.Bàu Bàng, BDG - Lai Uyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			27/08/2017	
10	Long Nguyên, Bàu Bàng - tổ 2, ấp Bà Phái, xã Long Nguyên, h.Bàu Bàng, BDG		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			29/01/2017	
11	tổ 2, ấp Bà Phái, xã Long Nguyên, h.Bàu Bàng, BDG - Long Nguyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 2 Km			14/01/2017	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
12	Lai Uyên, Bàu Bàng - Long Nguyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 3.2 Km			09/11/2017	
13	Long Nguyên, Bàu Bàng - tổ 14, ấp Long Thành, xã Long Nguyên, h.Bàu Bàng, BDG		Cáp quang 24FO - 2 Km			21/03/2016	
14	tổ 14, ấp Long Thành, xã Long Nguyên, h.Bàu Bàng, BDG - Long Tân, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 2.4 Km			07/05/2016	
15	Trừ Văn Thố, Bàu Bàng - Trừ Văn Thố, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			20/02/2016	
16	Lai Uyên, Bàu Bàng - Phước Vĩnh, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 1.4 Km			28/04/2016	
17	Lai Uyên, Bàu Bàng - Lai Uyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 2 Km			21/10/2016	
18	Lai Hưng, Bàu Bàng - kp 5, p.Mỹ Phước, Tx.Bến Cát, BDG		Cáp quang 24FO - 5.5 Km			23/02/2016	
19	Lai Uyên, Bàu Bàng - Tân Long, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 7.5 Km			25/02/2017	
20	Lai Uyên, Bàu Bàng - Lai Uyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 3.1 Km			26/03/2017	
21	Lai Uyên, Bàu Bàng - Định Hiệp, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 24 Km			20/06/2017	
22	Long Nguyên, Bàu Bàng - Long Nguyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 7 Km			27/12/2016	
23	Cây Trường, Bàu Bàng - Định Hiệp, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 12 Km			26/09/2017	
24	Cây Trường, Bàu Bàng - Cây Trường, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 7 Km			31/07/2017	
25	Cây Trường, Bàu Bàng - Trừ Văn Thố, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 3.9 Km			23/05/2017	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
26	KCN Bàu Bàng, Bàu Bàng - Lai Uyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 2.3 Km			23/11/2017	
27	KCN Bàu Bàng, Bàu Bàng - Lai Uyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 2.3 Km			07/10/2017	
28	KCN Bàu Bàng, Bàu Bàng - Lai Uyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			01/12/2016	
29	KCN Bàu Bàng, Bàu Bàng - Lai Uyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 2 Km			14/06/2017	
30	KCN Bàu Bàng, Bàu Bàng - Lai Uyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			29/06/2017	
31	KCN Bàu Bàng, Bàu Bàng - Lai Uyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 1.7 Km			31/05/2016	
7	**Huyện Dầu Tiếng**		0				2018
1	Hùng Vương		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			05/06/2010	2018
2	Tuyến cáp dọc 2 bên đường Độc Lập - Tự Do		Cáp quang 24FO - 3.3 Km			02/07/2011	
3	Tuyến cáp dọc 2 bên đường 13 tháng 03		Cáp quang 24FO - 2.7 Km			27/06/2010	
4	Cách Mạng Tháng 8		Cáp quang 24FO - 3.8 Km			20/06/2013	2018
5	DT744		Cáp quang 24FO - 52 Km			12/03/2010	
6	TL239		Cáp quang 24FO - 12.3 Km			12/08/2015	
7	Đường tỉnh 750		Cáp quang 24FO - 4 Km			02/03/2009	2018 - 2020
8	DT749A		Cáp quang 24FO - 12 Km			01/02/2010	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
9	DH706		Cáp quang 24FO - 8.1 Km			25/09/2012	
10	DT748 từ Ngã 3 Giáng Hương - gần Ngã 4 An Điền		Cáp quang 24FO - 19.7 Km			13/02/2013	
11	Đoạn từ Ngã 3 Giáng Hương - đầu đường DT749B		Cáp quang 24FO - 15 Km			01/09/2013	
12	DT751		Cáp quang 24FO - 7.1 Km			30/04/2010	
13	DT749B		Cáp quang 24FO - 7.4 Km			16/01/2010	
14	Tỉnh lộ 240		Cáp quang 24FO - 12.3 Km			09/02/2015	
15	Đường Thống Nhất		Cáp quang 24FO - 1 Km			05/11/2016	2018 - 2020
16	Bàu Rong		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			24/10/2017	2018 - 2020
17	Đường N4		Cáp quang 24FO - 0.9 Km			29/12/2017	2018 - 2020
18	Dầu Tiếng, Dầu Tiếng - Dầu Tiếng, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 1 Km			02/11/2016	
19	Dầu Tiếng, Dầu Tiếng - Dầu Tiếng, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			25/12/2016	
20	Minh Tân, Dầu Tiếng - Minh Tân, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 5.8 Km			24/07/2016	
21	Minh Hòa, Dầu Tiếng - Minh Tân, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 4.7 Km			10/07/2016	
22	Minh Tân, Dầu Tiếng - Minh Tân, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 2.8 Km			04/07/2017	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
23	Cty chế biến mủ Đại Phước Tài, ấp Tân Minh, xã Minh Thạnh, h.Dầu Tiếng, BDG - Cty chế biến mủ Đại Phước Tài, ấp Tân Minh, xã Minh Thạnh, h.Dầu Tiếng, BDG		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			14/06/2016	
24	Minh Hòa, Dầu Tiếng - Minh Hòa, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 8.5 Km			01/10/2016	
25	Định Hiệp, Dầu Tiếng - tổ 4, ấp Dáng Hương, xã Định Hiệp, h.Dầu Tiếng, BDG		Cáp quang 24FO - 4.3 Km			05/11/2016	
26	tổ 4, ấp Dáng Hương, xã Định Hiệp, h.Dầu Tiếng, BDG - An Lập, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 3.3 Km			24/10/2017	
27	Định Hiệp, Dầu Tiếng - Dầu Tiếng, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 6 Km			29/12/2017	
28	Thanh An, Dầu Tiếng - Thanh Tuyền, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 4.5 Km			03/12/2016	
29	Thanh Tuyền, Dầu Tiếng - Thanh Tuyền, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 3 Km			03/10/2017	
30	Thanh Tuyền, Dầu Tiếng - Thanh Tuyền, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 2.7 Km			05/09/2016	
31	Thanh Tuyền, Dầu Tiếng - Thanh Tuyền, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 2.8 Km			05/09/2017	
32	Thanh Tuyền, Dầu Tiếng - Thanh Tuyền, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			20/01/2017	
33	Dầu Tiếng, Dầu Tiếng - Dầu Tiếng, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 3.7 Km			02/12/2017	
34	Định Hiệp, Dầu Tiếng - Định Hiệp, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 4.1 Km			19/12/2017	
35	Long Tân, Dầu Tiếng - Long Hòa, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 9 Km			22/07/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
36	Định Hiệp, Dầu Tiếng - Long Hòa, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 4.7 Km			18/02/2017	
37	Dầu Tiếng, Dầu Tiếng - Dầu Tiếng, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 2.9 Km			04/12/2016	
38	Minh Thạnh, Dầu Tiếng - Minh Thạnh, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 2 Km			02/08/2016	
39	Minh Thạnh, Dầu Tiếng - Minh Thạnh, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 2 Km			10/11/2016	
40	Dầu Tiếng, Dầu Tiếng - Thanh An, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 3.9 Km			01/06/2017	
41	Thanh An, Dầu Tiếng - Thanh An, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 4.5 Km			09/08/2017	
42	Thanh Tuyền, Dầu Tiếng - An Tây, TX Bến Cát		Cáp quang 24FO - 2.7 Km			18/11/2016	
43	Mobifone (cột 42m), ấp Bưng Còng, xã Thanh Tuyền, h.Dầu Tiếng, BDG - Thanh Tuyền, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 1.3 Km			11/01/2017	
44	Mobifone (cột 42m), ấp Bưng Còng, xã Thanh Tuyền, h.Dầu Tiếng, BDG - Thanh Tuyền, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 2.3 Km			29/07/2017	
45	Thanh Tuyền, Dầu Tiếng - Thanh Tuyền, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 3.7 Km			01/05/2017	
46	Thanh Tuyền, Dầu Tiếng - Thanh Tuyền, Dầu Tiếng		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			01/07/2016	
8	**Huyện Phú Giáo**		0			16/12/2010	0
1	DT750		Cáp quang 24FO - 17 Km			02/03/2009	
2	Đường tỉnh 741 (đoạn qua thị trấn Phước Vĩnh)		Cáp quang 24FO - 3 Km			12/06/2010	2018 - 2020

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
3	DH507		Cáp quang 24FO - 25 Km			27/05/2009	
4	DH506		Cáp quang 24FO - 23 Km			06/09/2009	
5	DH501		Cáp quang 24FO - 26 Km			27/12/2015	
7	Trần Quang Diệu		Cáp quang 24FO - 1.6 Km			30/11/2017	2018 - 2020
8	Đường 18/9		Cáp quang 24FO - 1.2 Km			16/10/2016	2018 - 2020
9	Bùi Thị Xuân		Cáp quang 24FO - 1.4 Km			11/04/2016	2018 - 2020
10	Bà Huyện Thanh Quan		Cáp quang 24FO - 0.6 Km			-	2018 - 2020
11	Trần Hưng Đạo		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			-	2018 - 2020
12	Hùng Vương		Cáp quang 24FO - 0.7 Km			-	2018
13	Đoạn từ Ngã 3 Bàu Cỏ đến Ngã 4 Tân Long		Cáp quang 24FO - 8 Km			17/08/2010	
14	Phước Hòa, Phú Giáo - ấp 2, xã Hưng Hoà, h.Bàu Bàng, BDG		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			01/05/2017	
15	Tân Hiệp, Phú Giáo - ấp Tân Tiến, xã Phước Sang, h.Phú Giáo, BDG		Cáp quang 24FO - 3.1 Km			05/11/2017	
16	ấp Tân Tiến, xã Phước Sang, h.Phú Giáo, BDG - Phước Sang, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			28/07/2016	
17	Tam Lập, Phú Giáo - Tam Lập, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			25/05/2016	
18	Tam Lập, Phú Giáo - Tam Lập, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			06/01/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
19	xã An Thái, h.Phú Giáo, BDG - xã An Thái, h.Phú Giáo, BDG		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			28/01/2016	
20	xã An Thái, h.Phú Giáo, BDG - xã An Thái, h.Phú Giáo, BDG		Cáp quang 24FO - 0.5 Km			29/11/2017	
21	An Bình, Phú Giáo - ấp Bình Hoà, xã An Bình, h.Phú Giáo, BDG		Cáp quang 24FO - 2 Km			13/04/2017	
22	ấp Bình Hoà, xã An Bình, h.Phú Giáo, BDG - An Bình, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 2.8 Km			09/06/2016	
23	An Linh, Phú Giáo - ấp 7, xã An Linh, h.Phú Giáo, BDG		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			30/11/2017	
24	ấp 7, xã An Linh, h.Phú Giáo, BDG - Tân Hiệp, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 2.6 Km			16/10/2016	
25	An Bình, Phú Giáo - Ấp Cây Cam, xã An Bình, h.Phú Giáo, BDG		Cáp quang 24FO - 4.1 Km			11/04/2016	
26	Ấp Cây Cam, xã An Bình, h.Phú Giáo, BDG - tổ 1, ấp Đồng Tâm, xã An Bình, h.Phú Giáo, BDG		Cáp quang 24FO - 2 Km			08/02/2017	
27	tổ 1, ấp Đồng Tâm, xã An Bình, h.Phú Giáo, BDG - An Bình, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 4.2 Km			14/12/2016	
28	Phước Vĩnh, Phú Giáo - Phước Vĩnh, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 2.2 Km			14/12/2017	
29	Phước Vĩnh, Phú Giáo - Phước Vĩnh, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 2.1 Km			04/06/2016	
30	Phước Vĩnh, Phú Giáo - Lai Uyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 3.2 Km			25/10/2017	
31	Tam Lập, Phú Giáo - Tân Định, Bắc Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 4.8 Km			01/06/2016	
32	Phước Vĩnh, Phú Giáo - Phước Vĩnh, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 1 Km			14/08/2016	
33	Phước Vĩnh, Phú Giáo - Phước Vĩnh, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 1.4 Km			26/05/2016	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
34	Phước Vĩnh, Phú Giáo - Phước Vĩnh, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 1 Km			11/09/2017	
35	Phước Vĩnh, Phú Giáo - Phước Vĩnh, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			29/02/2016	
36	Vĩnh Hòa, Phú Giáo - ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Hoà, h.Phú Giáo, BDG		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			07/12/2016	
37	ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Hoà, h.Phú Giáo, BDG - Phước Vĩnh, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 1.8 Km			02/11/2016	
38	Phước Hòa, Phú Giáo - Phước Hòa, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			30/01/2017	
39	Phước Hòa, Phú Giáo - Phước Hòa, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 1.1 Km			31/01/2016	
40	Phước Hòa, Phú Giáo - Phước Hòa, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 0.8 Km			01/03/2017	
41	Phước Vĩnh, Phú Giáo - Phước Vĩnh, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 1.5 Km			26/10/2016	
42	Tân Long, Phú Giáo - An Linh, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 8.7 Km			10/07/2016	
43	Phước Vĩnh, Phú Giáo - Tam Lập, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 7.5 Km			27/05/2016	
44	Tân Long, Phú Giáo - Lai Uyên, Bàu Bàng		Cáp quang 24FO - 7.6 Km			21/12/2016	
45	Vĩnh Hòa, Phú Giáo - Phước Vĩnh, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 1.6 Km			17/01/2017	
46	Phước Hòa, Phú Giáo - Phước Hòa, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 3.8 Km			05/05/2016	
47	Tân Long, Phú Giáo - Tân Long, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 2.3 Km			26/04/2017	

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào	Thời điểm hạ ngầm
48	Vinaphone (cột 42m), ấp Gia Biện, xã Tam Lập, h.Phú Giáo, BDG - Cty Toàn Năng, ấp Đồng Tâm, xã Tam Lập, h.Phú Giáo, BDG		Cáp quang 24FO - 8 Km			12/08/2017	
49	Vinaphone (cột 42m), ấp Gia Biện, xã Tam Lập, h.Phú Giáo, BDG - Tam Lập, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 9 Km			15/04/2016	
50	An Linh, Phú Giáo - An Linh, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 2.5 Km			31/12/2017	
51	An Linh, Phú Giáo - Tân Hiệp, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 5 Km			18/06/2016	
52	Tam Lập, Phú Giáo - Phước Vĩnh, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 3 Km			23/11/2016	
53	Tam Lập, Phú Giáo - Tam Lập, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 3.2 Km			12/12/2017	
54	Cty Toàn Năng, ấp Đồng Tâm, xã Tam Lập, h.Phú Giáo, BDG - Tam Lập, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 2 Km			28/03/2017	
55	An Long, Phú Giáo - An Long, Phú Giáo		Cáp quang 24FO - 1.4 Km			28/12/2017	
56	An Long, Phú Giáo - Phú Chánh, TX Tân Uyên		Cáp quang 24FO - 3.3 Km			19/11/2017	
9	**Huyện Bắc Tân Uyên**		0				2018
1	DT746 - dọc sông Bé/Đồng Nai		Cáp quang 24FO - 54.9 Km			26/12/2012	
2	Tuyến đường dọc Sông Bé - Đồng Nai		Cáp quang 24FO - 11.8 Km			29/04/2011	
3	Đường tỉnh 747		Cáp quang 24FO - 5 Km			12/02/2016	2019